

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hải

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Hải
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hải

Mã SV: 1012401218

Lớp : QT1403K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1.Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong doanh nghiệp.
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại đơn vị thực tập.

2.Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2013

3.Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN
THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Thúy Hồng*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại Chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 3 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Thị Hải

ThS.Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày....tháng.... năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Tinh thần thái độ nghiêm túc, cầu thị trong quá trình làm tốt nghiệp.
- Hoàn thành khóa luận đúng thời gian quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong doanh nghiệp: Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học. Đối với việc hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu được hạch toán bằng sơ đồ kế toán rất ngắn gọn và khoa học.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng: Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ số liệu minh họa tháng 12/2013. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào sổ sách tương đối logic và hợp lý.

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng: tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lý.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên: Thị Lhi Thái Ngày sinh: 12/09/1992
Lớp: QT14D3K Ngành: kế toán - kiểm toán Khóa: 14
Thực tập tại: Chi nhánh công ty cổ phần Logistic Tân Thế Giới tại Hải Phòng
Từ ngày: 13/01/2014 đến ngày 08/03/2014

1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật:

- Nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy của công ty
- Thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật tốt
- Nhiệt tình, năng động, có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong công việc

2. Về những công việc được giao:

- Hoàn thành tốt các công việc được giao
- Có tinh thần học hỏi cầu tiến
- Say mê nhiệt tình trong công việc mà công ty giao cho

3. Kết quả đạt được:

- Lòng hợp những tình hình chung nhất về bộ phận kế toán cũng như công tác kế toán tại công ty
- Thêm thêm về công tác hạch toán kế toán, hiểu được những vướng mắc trong kỹ thuật hạch toán

Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Nguyễn Lhi Thanh Hương

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2014
Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở

Qu Thị Yên

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP.	1
1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về vốn bằng tiền và các khoản phải thu	1
1.1.2 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu	3
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu.....	5
1.2 TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP.....	5
1.2.1. Chứng từ sử dụng	5
1.2.2. Tài khoản sử dụng.....	6
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP.....	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.....	33
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.	33
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng	33
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.	33
2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.	34
2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.....	36
2.1.5 Đặc điểm hình thức kế toán của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.	38

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.	41
2.2.1 Đặc điểm vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.....	41
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.	41
2.2.2.1 Chứng từ và TK sử dụng.....	41
2.2.2.2 Quy trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.	44
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.....	82
3.1 ĐÁNH GIÁ NHỮNG ƯU, NHƯỢC ĐIỂM TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.	82
3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu.....	82
3.1.2 Một số tồn tại về tổ chức kế toán vốn bằng tiền	84
3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG	84
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong doanh nghiệp vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Do đó, tiền có vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc sử dụng và quản lý vốn bằng tiền có ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động về kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong công tác kế toán của doanh nghiệp chia ra làm nhiều khâu, nhiều phần hành nhưng giữa chúng có mối quan hệ hữu cơ gắn bó tạo thành một hệ thống quản lý.

Mặt khác nếu hoạt động tài chính tốt doanh nghiệp sẽ ít công nợ, khả năng thanh toán dồi dào và đảm bảo doanh nghiệp sẽ ít bị chiếm dụng vốn. Ngược lại nếu hoạt động tài chính kém thì sẽ dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau, các khoản nợ phải thu sẽ kéo dài. Điều này sẽ không tốt cho doanh nghiệp chủ động về vốn để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh và mang lại hiệu quả cao.

Trong thời kỳ kinh tế khó khăn như hiện nay thì đối với một doanh nghiệp nói chung vấn đề vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Đối với chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng thì yếu tố này lại càng quan trọng hơn. Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải, thì vốn bằng tiền để phục vụ cho việc thanh toán cho nhà cung cấp là rất quan trọng. Do đó, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu, chi tiền mặt, công nợ phải thu khách hàng là liên tục và thường xuyên. Giải quyết tốt vấn đề vốn, nợ phải thu là một cách tích cực để quản lý nguồn vốn tài chính của doanh nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Xuất phát từ yêu cầu mong muốn được nghiên cứu sâu hơn về công tác kế toán vốn bằng tiền các khoản phải thu gắn liền với một đơn vị cụ thể lại có thời gian thực tập tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng” để làm khóa luận tốt nghiệp. Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan về kế toán

vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong doanh nghiệp đồng thời qua nghiên cứu thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh này.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong tháng 12/2013 của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: đi từ lý luận đến thực tiễn, lấy thực tế để kiểm tra lý luận.

- Phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối.

- Phương pháp thống kê: dựa vào những số liệu đã thống kê để phân tích, so sánh, đối chiếu từ đó nêu lên những ưu điểm, nhược điểm trong công tác kinh doanh nhằm tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục cho chi nhánh công ty cổ phần Logistics nói chung và cho công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu nói riêng.

5. Kết cấu khóa luận

Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

Trong quá trình nghiên cứu và viết khóa luận do trình độ và thời gian có hạn nên trong khóa luận tốt nghiệp sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Do đó mong được những ý kiến đóng góp của quý thầy cô, các bạn cũng như các anh chị trong công ty để khóa luận này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng tiền Việt Nam.

Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp thu chi tiền mặt bằng vàng, bạc, đá quý, kim khí quý.

Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam.

Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ

Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền đang chuyển

Sơ đồ 1.7: Kế toán phải thu khách hàng

Sơ đồ 1.8 và sơ đồ 1.9: Kế toán phải thu nội bộ

Sơ đồ 1.10: Kế toán phải thu khác

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chi nhánh

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của chi nhánh

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1 Một số khái niệm cơ bản về vốn bằng tiền và các khoản phải thu

➤ Khái niệm vốn bằng tiền: Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp, tồn tại dưới hình thức tiền tệ. Nó là bộ phận tài sản lưu động làm chức năng vật ngang giá chung trong các mối quan hệ trao đổi mua bán giữa các doanh nghiệp với các đơn vị cá nhân khác. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng sử dụng.

➤ Phân loại vốn bằng tiền:

- Theo hình thái tài sản vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

Tiền Việt Nam đồng: Đây là loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoại tệ: Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị trường Việt Nam như các đồng: đô la Mỹ (USD), đồng bảng Anh (GBP), đồng phrăng Pháp (FFr), đồng Yên Nhật (JPY), đồng đô la Hồng Kông (HKD),...

Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu giữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

- Theo trách nhiệm quản lý tiền vốn có:

Tiền mặt tại quỹ (TK111): gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

Tiền gửi ngân hàng (TK112): là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

Tiền đang chuyển (TK113): là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

➤ Đặc điểm vốn bằng tiền: Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp và lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước. Chẳng hạn tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp dùng để chi tiêu hàng ngày không được vượt quá mức tồn quỹ mà doanh nghiệp và Ngân hàng đã thỏa thuận theo hợp đồng thương mại, khi có tiền thu bán hàng phải nộp ngay vào Ngân hàng.

➤ Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền: Vốn bằng tiền là một loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, vì trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí. Do vậy việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ đảm bảo các yêu cầu sau:

Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.

Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

➤ Khái niệm khoản phải thu: là khoản phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện việc cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và những trường hợp khác liên quan tới một bộ phận vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng tạm thời như chi hộ cho đơn vị bạn hoặc cấp trên, cho mượn ngắn hạn...

➤ Phân loại:

- Theo thời gian thu hồi nợ: gồm nợ phải thu ngắn hạn và nợ phải thu dài hạn.

+ Nợ phải thu dài hạn: là khoản nợ có thời hạn thu hồi hơn một năm hoặc quá trình kinh doanh bình thường lớn hơn 12 tháng.

+ Nợ phải thu ngắn hạn: là khoản nợ có thời gian thu hồi không quá một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh bình thường nếu chu kỳ kinh doanh nhỏ hơn 12 tháng.

- Phân loại theo tính chất: gồm phải thu thương mại và phải thu khác.

➤ Khoản nợ phải thu bao gồm:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| + Nợ phải thu khách hàng | + Dự phòng phải thu khó đòi |
| + Thuế GTGT được khấu trừ | + Nợ tạm ứng |
| + Nợ phải thu nội bộ | + Cầm cố, ký quỹ, ký cược |
| + Nợ phải thu khác | |

1.1.2 Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu

❖ Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý cụ thể như sau:

Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (Nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá

quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán), khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nợ phải thu cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Kiểm tra đối chiếu theo định kỳ hoặc cuối mỗi niên độ từng khoản phải thu phát sinh và số đã thu, số còn phải thu, đặc biệt là đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch, mua bán thường xuyên, có số dư phải thu lớn. Sở dĩ cuối mỗi niên độ, thậm chí cuối mỗi kỳ kế toán bộ phận kế toán công nợ phải tiến hành đối chiếu các khoản phải thu với từng đối tượng để tránh sự nhầm lẫn, kịp thời phát hiện những sai sót để sửa chữa. Mặt khác, đó cũng là việc cần thiết để lập bộ chứng từ thanh toán công nợ hoàn chỉnh.

Theo dõi chi tiết cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật đối với các khoản nợ bằng vàng, bạc, đá quý, kim khí quý. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo giá thực tế.

Căn cứ vào số dư chi tiết bên Nợ (hoặc bên Có) của các tài khoản phải thu để lấy số liệu ghi vào các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán mà tuyệt đối không được bù trừ số dư giữa hai bên Nợ, Có với nhau.

Đối tượng phải thu là khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư.

Kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng thời hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, cung cấp dịch vụ thu tiền ngay (tiền mặt, séc hoặc đã thu qua Ngân hàng).

Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu

Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền. Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ.

Giám sát thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng đảm bảo chi tiêu tiết kiệm có hiệu quả. Qua đó, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham ô, lãng phí tiền và hành vi vi phạm chế độ kế toán tài chính. Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp với yêu cầu và trình độ quản lý của đơn vị nhằm phục vụ cho việc thu nhận, xử lý, hệ thống hóa vốn bằng tiền tại đơn vị.

Tính toán, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ từng khoản nợ phải thu theo từng đối tượng về số nợ phải thu, số nợ đã thu và số nợ còn phải thu.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ, quy định về quản lý các khoản nợ phải thu.

Tổng hợp và xử lý nhanh thông tin về tình hình công nợ trong hạn, đến hạn và quá hạn và công nợ có khả năng khó thu để quản lý tốt công nợ, góp phần cải thiện tốt tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Tính toán, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ từng khoản nợ phải thu theo từng đối tượng về số nợ phải thu, số nợ đã thu và số nợ còn phải thu.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ, quy định về quản lý các khoản nợ phải thu.

1.2 TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP**1.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu (01-TT), Phiếu chi (02- TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (03-TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (04- TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (05-TT)
- Biên lai thu tiền (06-TT)
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý (07-TT)
- Bảng kê quỹ (dùng cho VND) (08a- TT)
- Bảng kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, ...) (08b-TT)

- Bảng kê chi tiền (09-TT)
- Giấy báo Có, báo Nợ, Bản sao kê của ngân hàng.
- Các chứng từ khác như: Séc chuyên khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.
- Biên bản bù trừ công nợ
- Quyết định cấp vốn, quyết định thu hồi vốn
- Biên bản giao nhận vốn
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản để hạch toán tiền mặt tại quỹ là TK 111. Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111- Tiền Việt Nam: phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- Tài khoản 1112- Ngoại tệ: phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

Kết cấu TK 111

Nợ	TK 111-Tiền mặt	Có
<p>SDDK: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý đầu kỳ tại quỹ tiền mặt .</p> <p>SPS tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa do phát hiện khi kiểm kê quỹ. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ). 	<p>SPS giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tài khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ. - Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu do phát hiện khi kiểm kê quỹ. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (Đối với tiền mặt ngoại tệ). 	
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>	
<p>SDCK: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt cuối kỳ.</p>		

❖ Tài khoản để hạch toán tiền gửi ngân hàng là TK 112. TK này có 3 TK cấp 2:

- TK1121 – Tiền Việt Nam: phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

- TK 1122 – Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

- TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng.

Kết cấu TK 112

Nợ	TK 112- Tiền gửi ngân hàng	Có
<p>SDDK: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện gửi tại ngân hàng đầu kỳ.</p>		
<p>SPS tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ. 		<p>SPS giảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ ngân hàng. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p>SDCK: Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng cuối kỳ.</p>		

❖ Tài khoản để hạch toán tiền đang chuyển là TK 113. Có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 1131- Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- TK 1132 – Ngoại tệ: phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển.

Kết cấu TK 113

Nợ	TK 113- Tiền đang chuyển	Có
<p><u>SDDK:</u> Số tiền đang chuyển trong thời gian làm thủ tục.</p> <p>SPS tăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có. - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ. 	<p>SPS giảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số kết chuyển vào TK 112 - Tiền gửi ngân hàng hoặc tài khoản có liên quan. - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ. 	
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p><u>SDCK:</u> Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ</p>		

Kết cấu TK 007

Nợ	TK 007- Ngoại tệ các loại	Có
<p>SDDK: Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp lúc đầu kỳ.</p> <p>SPS tăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số ngoại tệ thu vào (Nguyên tệ) 		<p>SPS giảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số ngoại tệ xuất ra (Nguyên tệ)
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p>SDCK: Số ngoại tệ còn lại tại doanh nghiệp (Nguyên tệ) lúc cuối kỳ</p>		

Kết cấu của TK 413

Nợ	TK 413- Chênh lệch tỷ giá	Có
<p>SDDK: Chênh lệch tỷ giá đầu kỳ</p> <p>SPS giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa, nợ phải thu có gốc ngoại tệ. - Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. - Xử lý chênh lệch tỷ giá. 		<p>SDDK: Chênh lệch tỷ giá đầu kỳ</p> <p>SPS tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa và nợ phải thu có gốc ngoại tệ. - Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. - Xử lý chênh lệch tỷ giá.
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p>SDCK: Số chênh lệch tỷ giá hồi đoái phát sinh hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lỗ tỷ giá) ở thời điểm cuối năm tài chính.</p>		<p>SDCK: Số chênh lệch tỷ giá hồi đoái phát sinh hoặc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi tỷ giá) ở thời điểm cuối năm tài chính.</p>

❖ Tài khoản để hạch toán khoản phải thu khách hàng là TK 131.

Kết cấu TK 131

Nợ	TK 131- Phải thu khách hàng	Có
<p><u>SDDK:</u> Khoản còn phải thu của người mua lúc đầu kỳ.</p> <p>SPS tăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng 		<p><u>SDDK:</u> Số tiền người mua trả trước lúc đầu kỳ.</p> <p>SPS giảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền khách hàng đã trả nợ, số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại. - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua lại (Có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT) - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p><u>SDCK:</u> Số tiền còn phải thu của khách hàng lúc cuối kỳ</p>		<p><u>SDCK:</u> Số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.</p>

❖ Tài khoản để hạch toán phải thu nội bộ là TK 136. Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2 là:

TK 1361: vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (chỉ được mở cho đơn vị cấp trên)

TK 1368: Phải thu nội bộ khác

Kết cấu TK 136

Nợ	TK 136: Phải thu nội bộ	Có
<p>SDDK: Số nợ còn phải thu đầu kỳ ở các đơn vị nội bộ.</p>		
<p>SPS tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số vốn kinh doanh đã giao cho đơn vị cấp dưới (bao gồm vốn cấp trực tiếp và cấp bằng các phương thức khác) - Các khoản đã chi hộ, trả hộ đơn vị cấp trên, cấp dưới. - Số tiền đơn vị cấp trên phải thu về, các khoản cấp trên phải giao xuống. - Số tiền phải thu về bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị cấp trên, cấp dưới, giữa các đơn vị nội bộ. 		<p>SPS giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hồi vốn, quỹ ở đơn vị thành viên. - Quyết toán với đơn vị thành viên về kinh phí sự nghiệp đã cấp, đã sử dụng - Số tiền đã thu về các khoản phải thu trong nội bộ. - Bù trừ phải thu với phải trả trong nội bộ của cùng một đối tượng.
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p>SDCK: Số nợ còn phải thu cuối kỳ ở các đơn vị nội bộ.</p>		

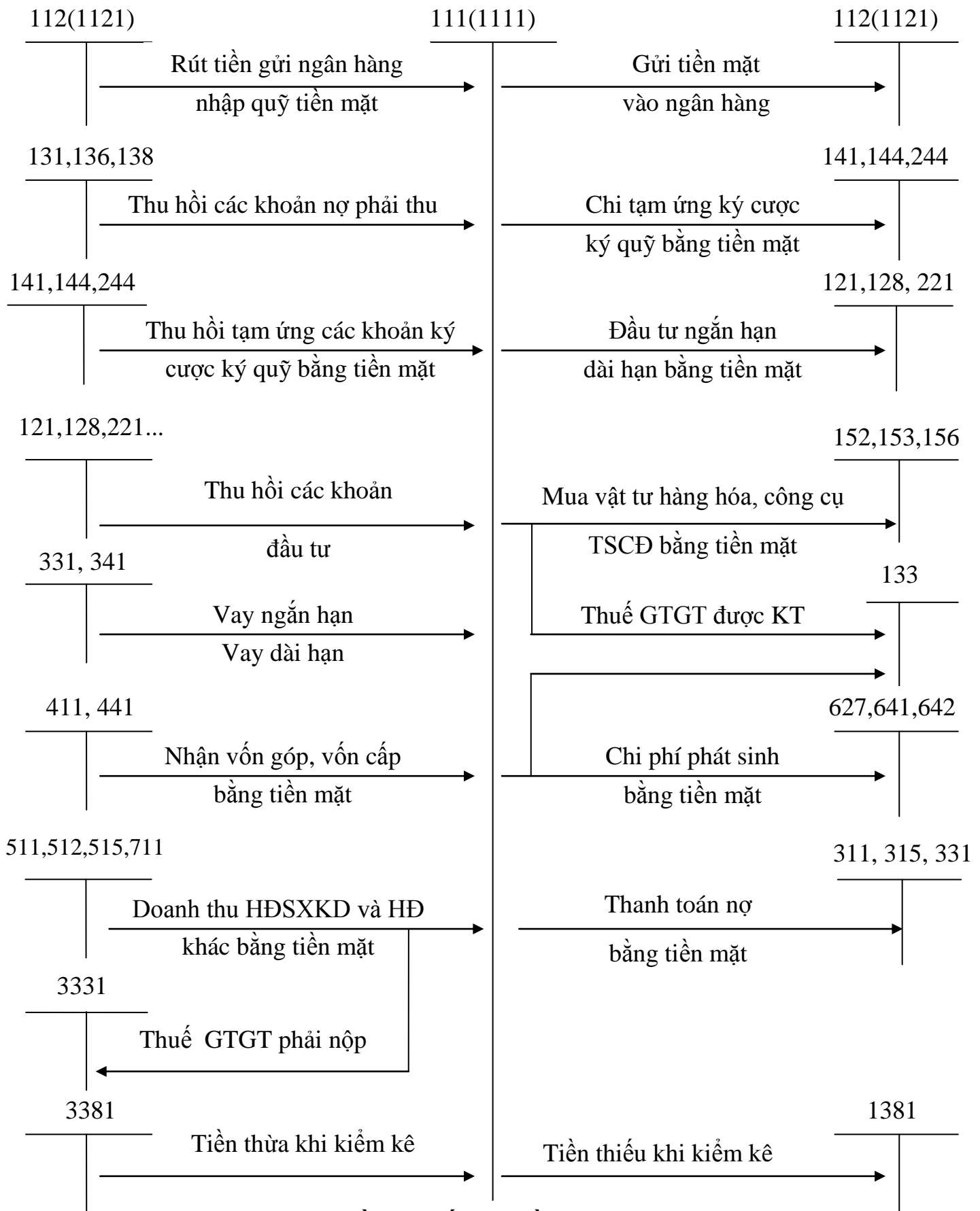
❖ Đề hạch toán khoản phải thu khác ta sử dụng TK 138. Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2 là:

- TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý
- TK 1385: Phải thu về cổ phần hóa
- TK 1388: Phải thu khác

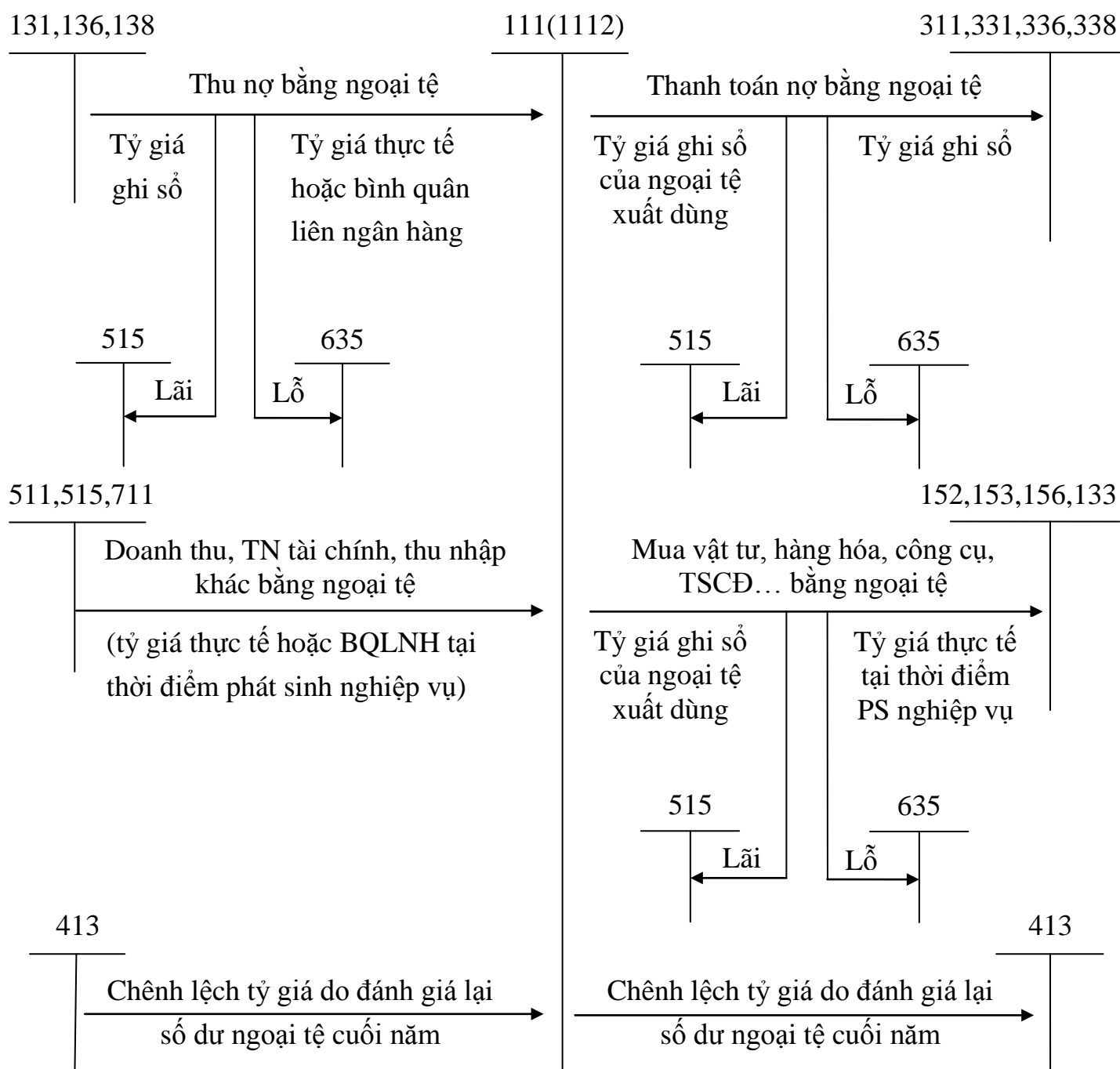
Kết cấu TK 138

Nợ	TK 138: Phải thu khác	Có
<p><u>SDDK:</u> Các khoản nợ phải thu khác chưa thu được đầu kỳ.</p> <p>SPS tăng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản thiếu chờ giải quyết - Phải thu của cá nhân, tập thể (trong và ngoài đơn vị) đối với tài sản thiếu đã xác định rõ nguyên nhân và có biên bản xử lý ngay. - Số tiền phải thu về các khoản phát sinh khi cổ phần hóa công ty nhà nước. - Phải thu về tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư tài chính. - Các khoản nợ phải thu khác. 	<p><u>SDDK:</u> Số đã thu nhiều hơn số phải thu từ đầu kỳ.</p> <p>SPS giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá trị tài sản thiếu vào các tài khoản liên quan theo quyết định ghi trong biên bản xử lý. - Kết chuyển các khoản phải thu về cổ phần hóa công ty nhà nước. - Số tiền đã thu được về các khoản nợ phải thu khác. 	
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>		<p>Tổng phát sinh Có</p>
<p><u>SDCK:</u> Các khoản nợ phải thu khác chưa thu được cuối kỳ.</p>		<p><u>SDCK:</u> Số đã thu nhiều hơn số phải thu (Trường hợp cá biệt và trong chi tiết của từng đối tượng cụ thể).</p>

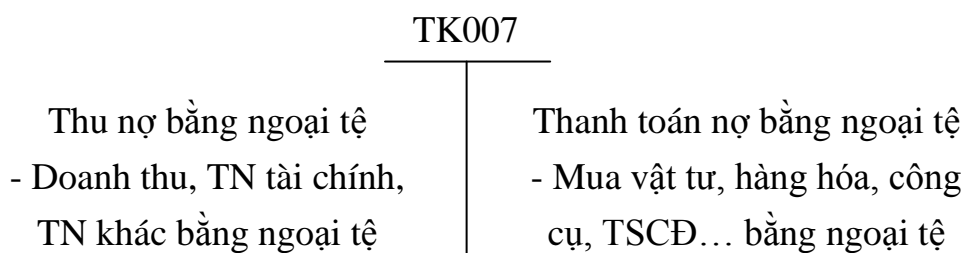
1.2.3. Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu



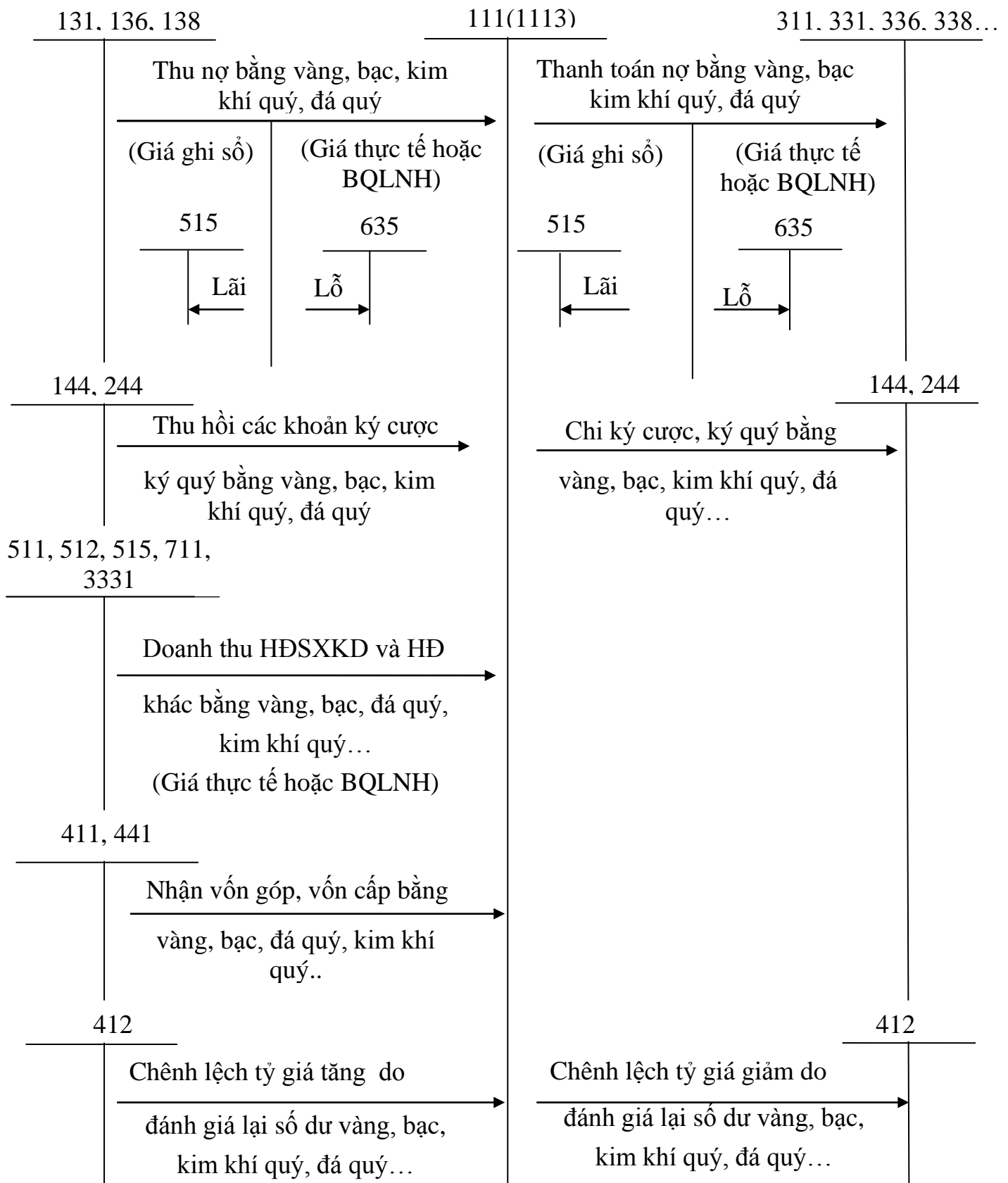
Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VND)



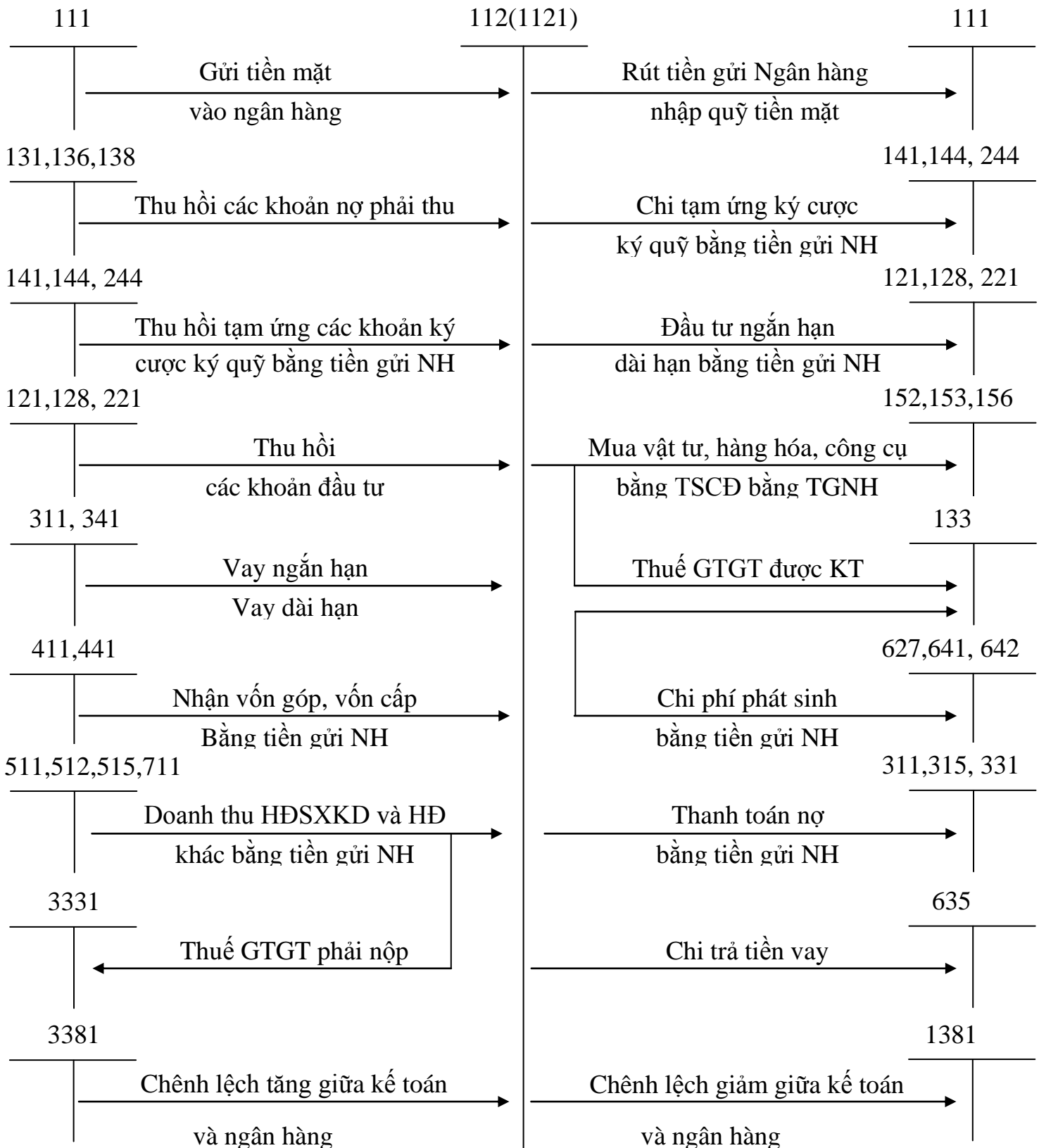
Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ đều phải đồng thời ghi đơn 007 – Ngoại tệ các loại



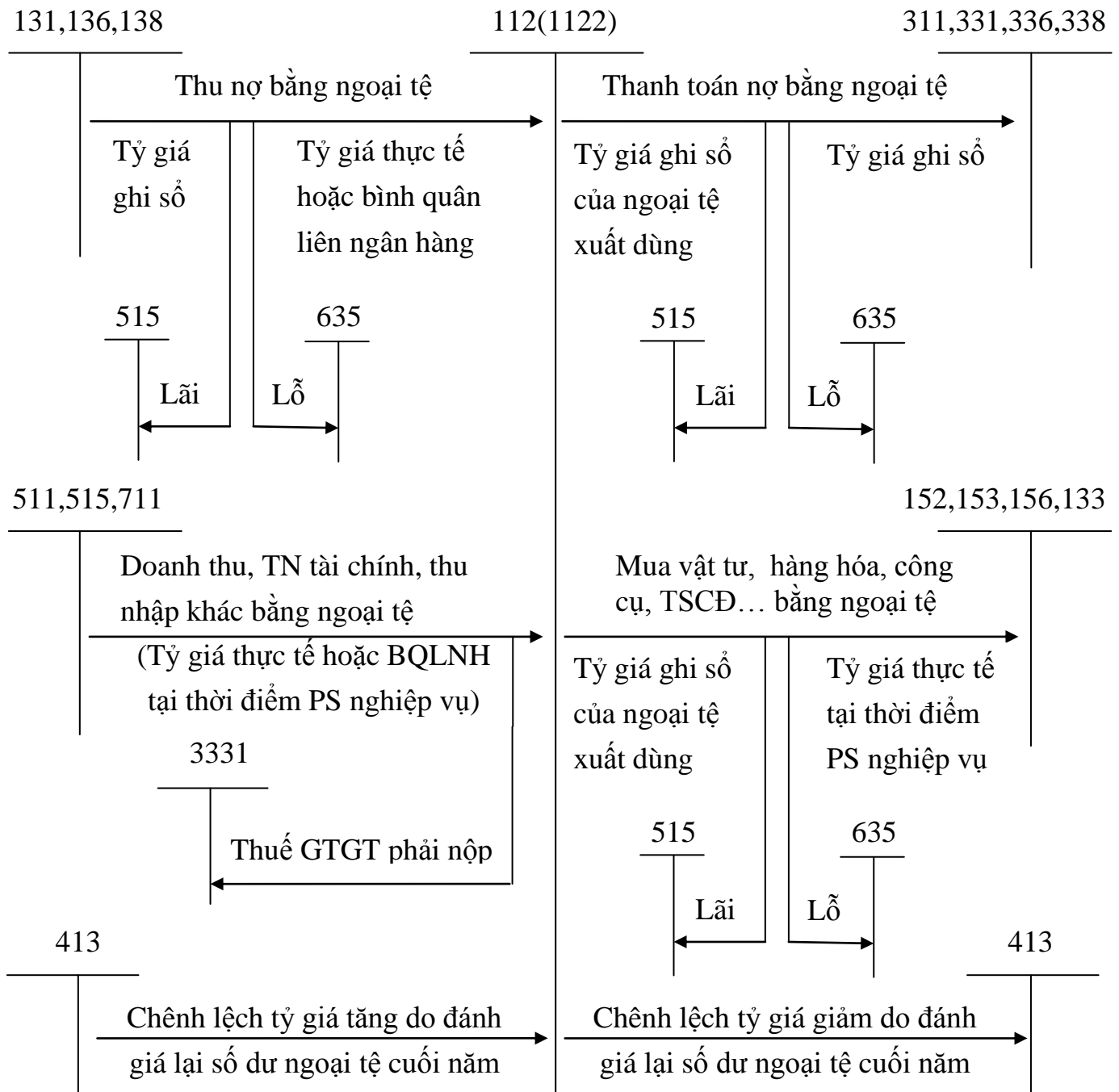
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt ngoại tệ



Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền mặt bằng vàng, bạc, đá quý, kim khí



Sơ đồ 1.4 Kế toán tiền gửi ngân hàng (VND)

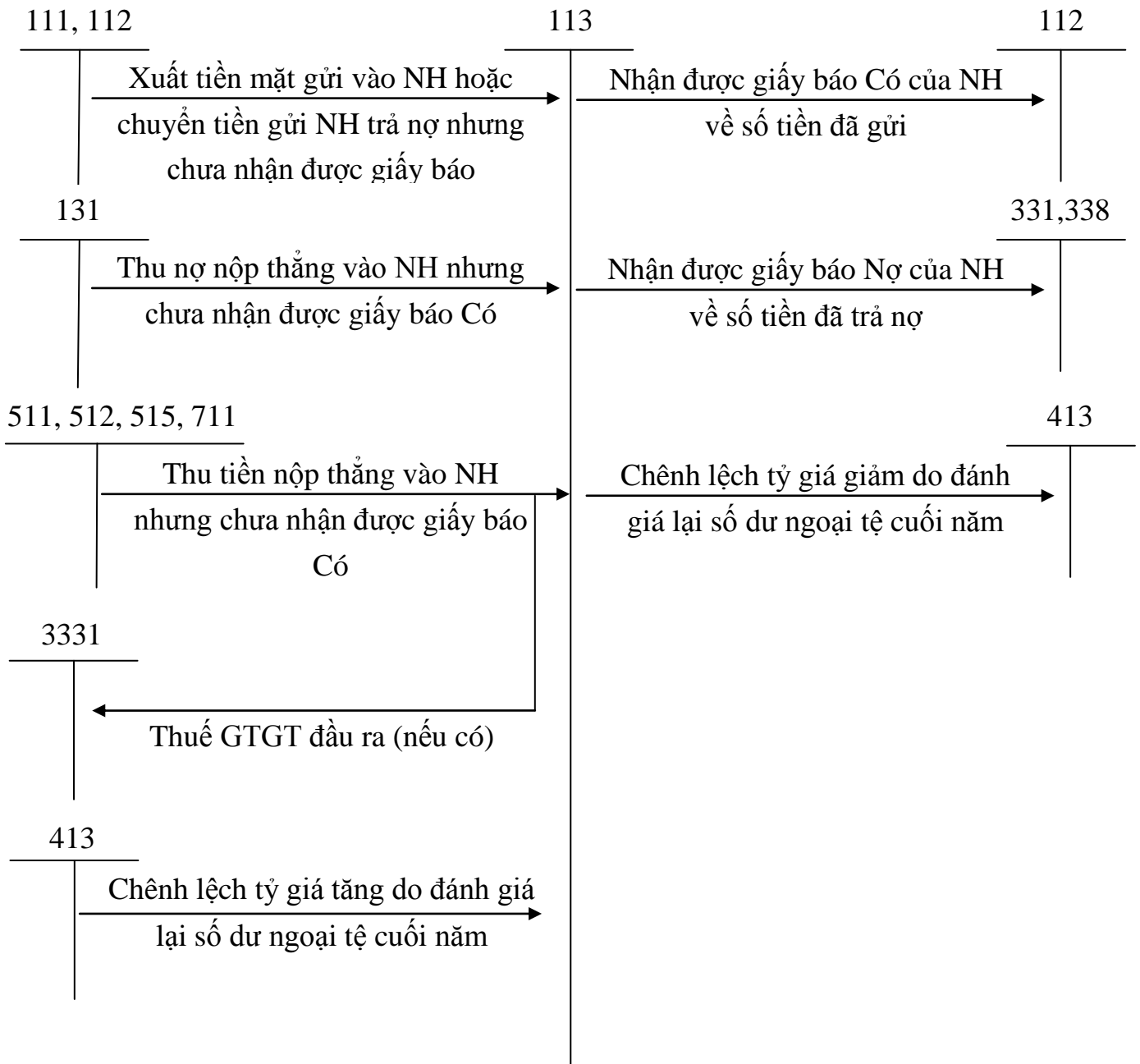


Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 – Ngoại tệ các loại

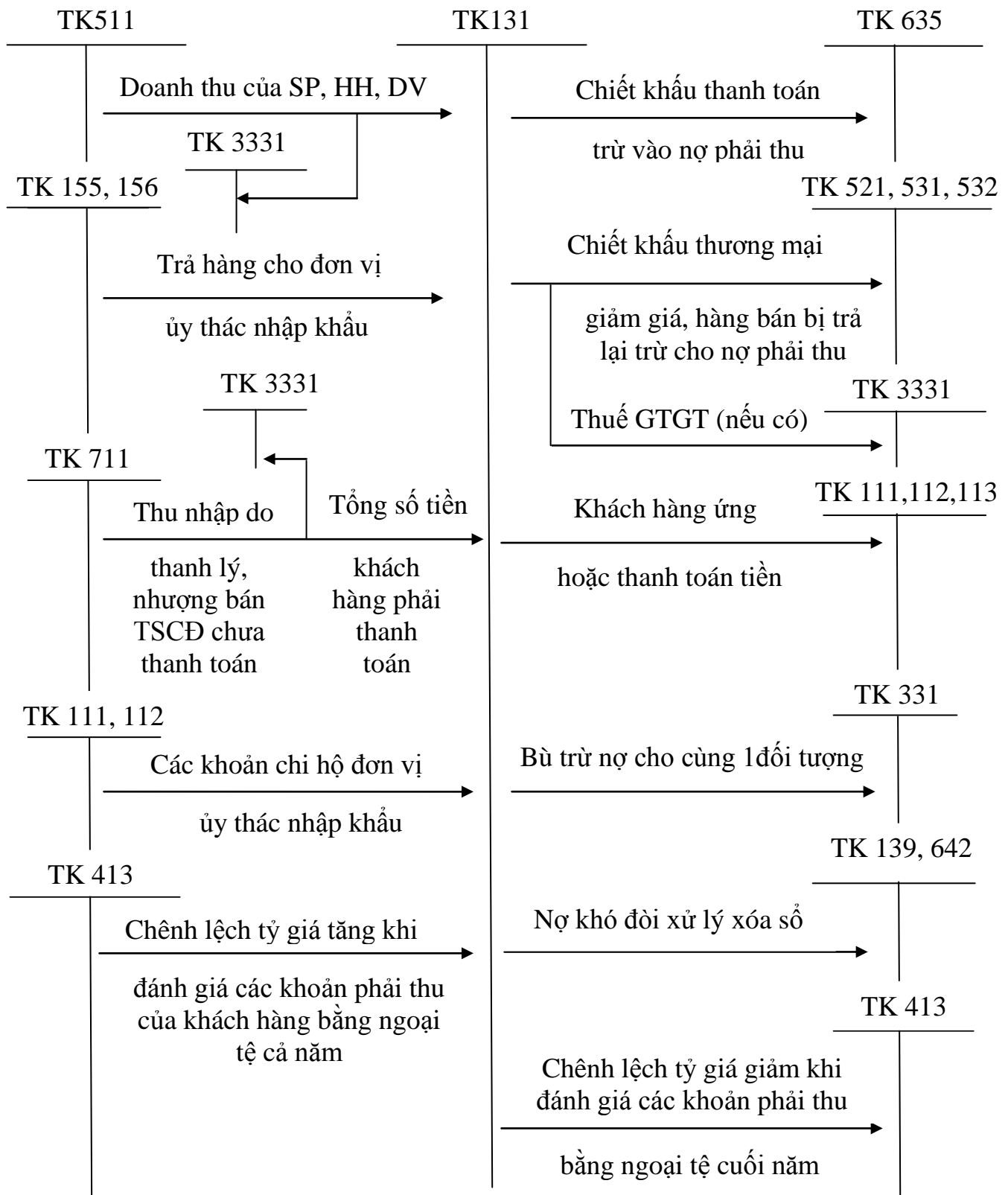
TK 007

<p>Thu nợ bằng ngoại tệ</p> <p>- Doanh thu, TN tài chính</p> <p>TN khác bằng ngoại tệ</p>	<p>Thanh toán nợ bằng ngoại tệ</p> <p>- Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ</p>
---	--

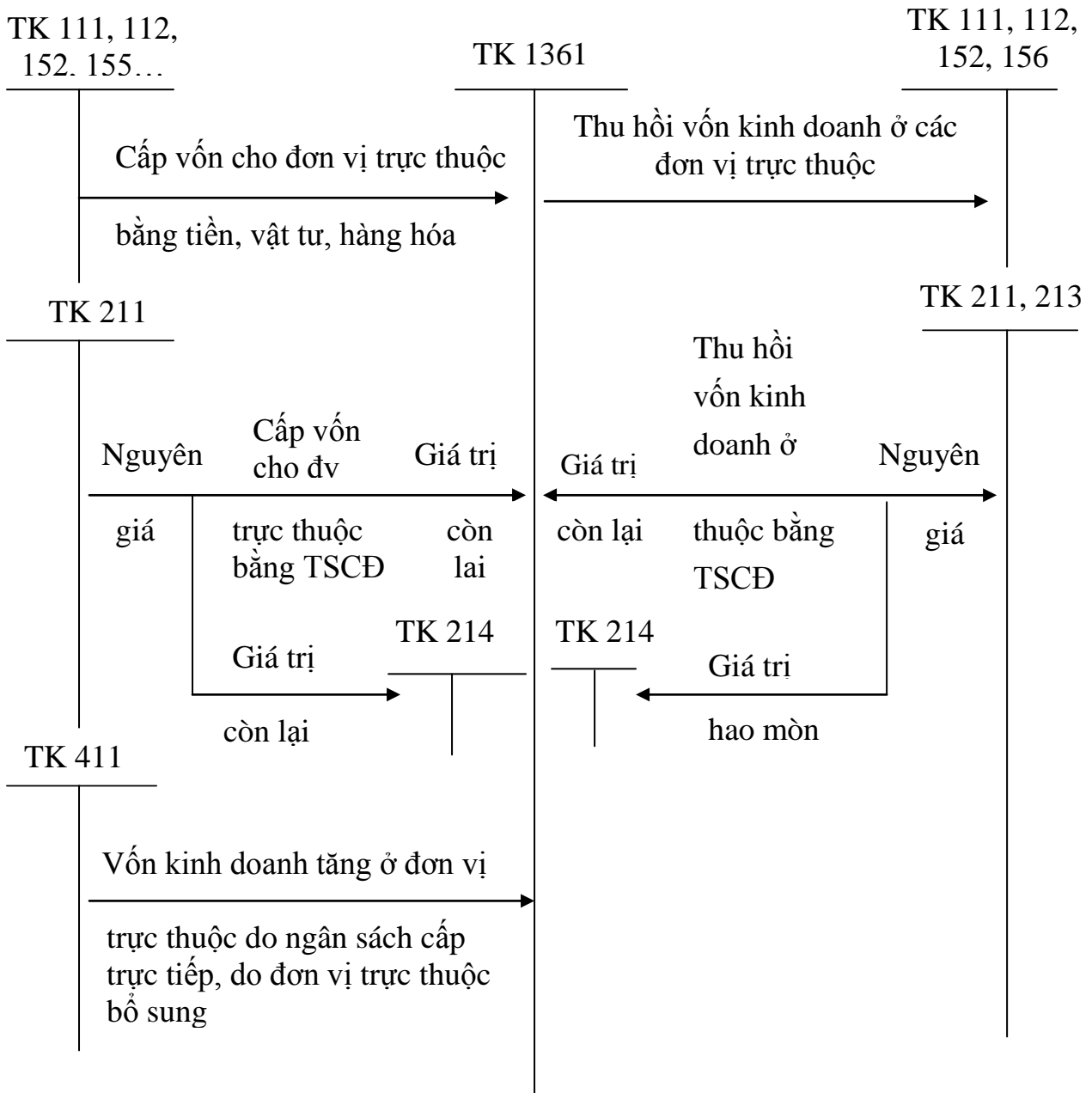
Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ)



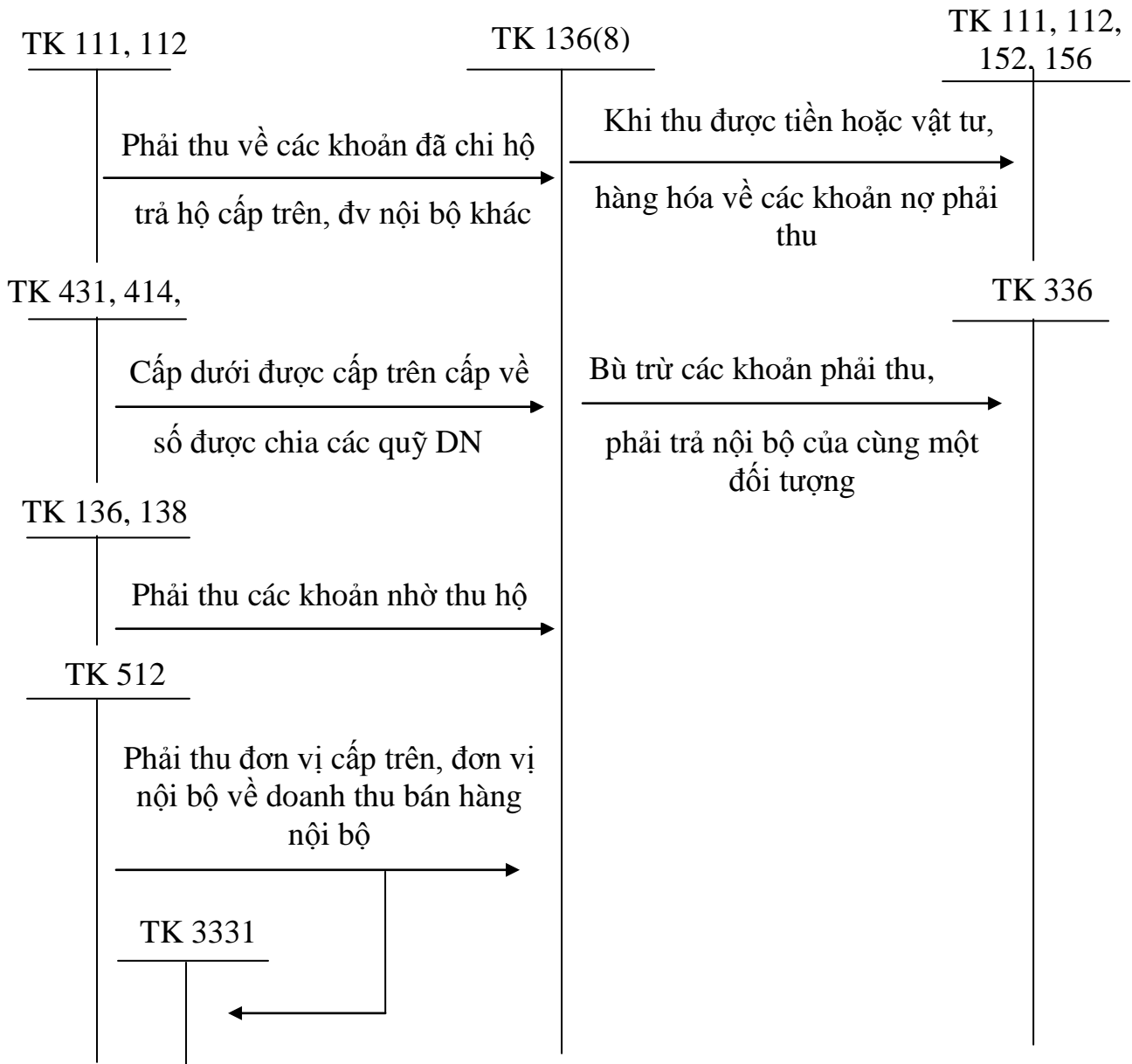
Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền đang chuyển



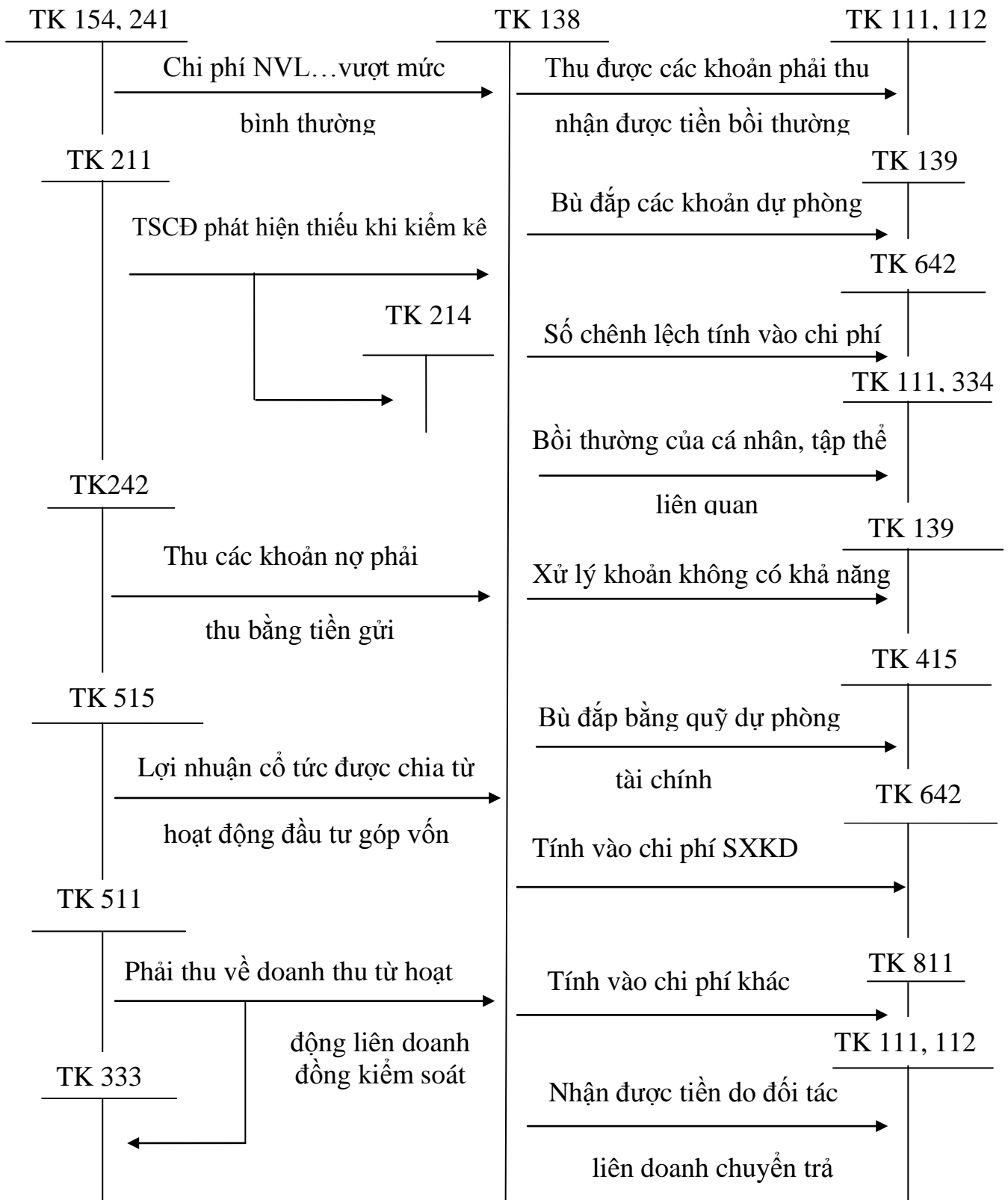
Sơ đồ 1.7: Khoản phải thu của khách hàng – TK 131



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán nội bộ về vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán phải thu nội bộ khác



Sơ đồ 1.10: Hạch toán kế toán khoản phải thu khác

1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG CHỨNG TỪ, SỔ SÁCH TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG DOANH NGHIỆP

Hiện nay, theo chế độ quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán:

- + Nhật ký - Sổ cái
- + Nhật ký chung
- + Nhật ký - Chứng từ
- + Chứng từ ghi sổ
- + Kế toán máy

Sau đây là sơ đồ trình từ ghi sổ kế toán theo các hình thức:

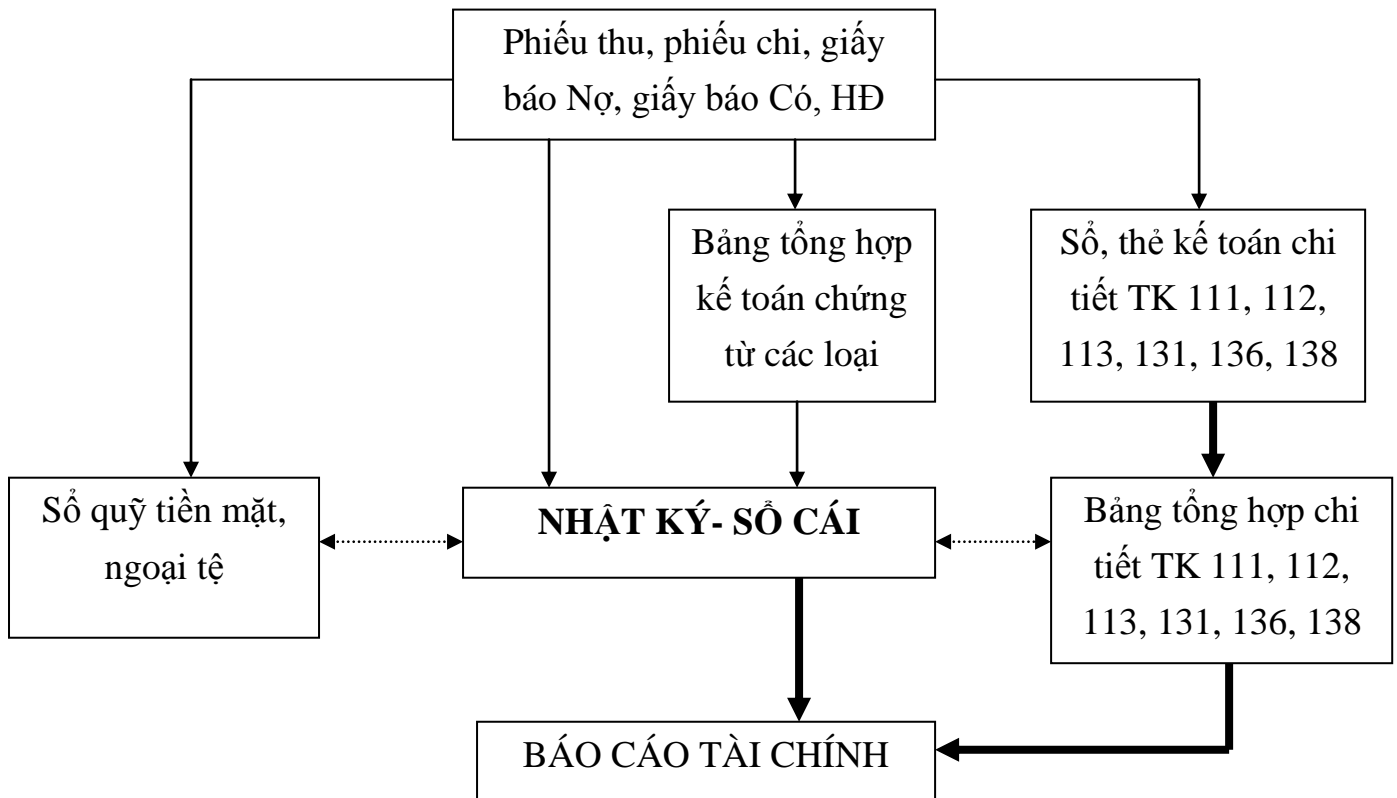
*** Hình thức Nhật ký- Sổ cái:**

Đặc điểm chủ yếu: hình thức sổ kế toán Nhật ký – Sổ cái có đặc điểm chủ yếu là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi sổ theo thứ tự thời gian kết hợp với việc phân loại theo hệ thống vào sổ Nhật ký – Sổ cái.

Hệ thống sổ bao gồm:

- Sổ kế toán tổng hợp: sử dụng duy nhất một sổ là sổ Nhật ký - Sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết: bao gồm sổ chi tiết TSCĐ, vật liệu thành phẩm tùy thuộc vào đặc điểm yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng cần hạch toán chi tiết mà kết cấu mỗi sổ kế toán chi tiết ở mỗi doanh nghiệp đều có thể khác nhau.
- Ưu điểm: dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu.
- Nhược điểm: Khó phân công lao động, khó áp dụng phương tiện kỹ thuật tính toán, đặc biệt nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng phát sinh lớn thì Nhật ký - Sổ cái sẽ cồng kềnh, phức tạp.
- Phạm vi sử dụng: trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và sử dụng ít tài khoản như các doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 111, 112, 113, 131, 136, 138. Sau khi khóa sổ thẻ kế toán chi tiết cuối tháng (cuối quỹ) lập bảng tổng hợp chi tiết TK 111, 112, 113, 131, 136, 138 và đối chiếu với sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu trên Nhật ký - Sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra đối chiếu nếu khớp đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

*** Hình thức Nhật Ký Chung**

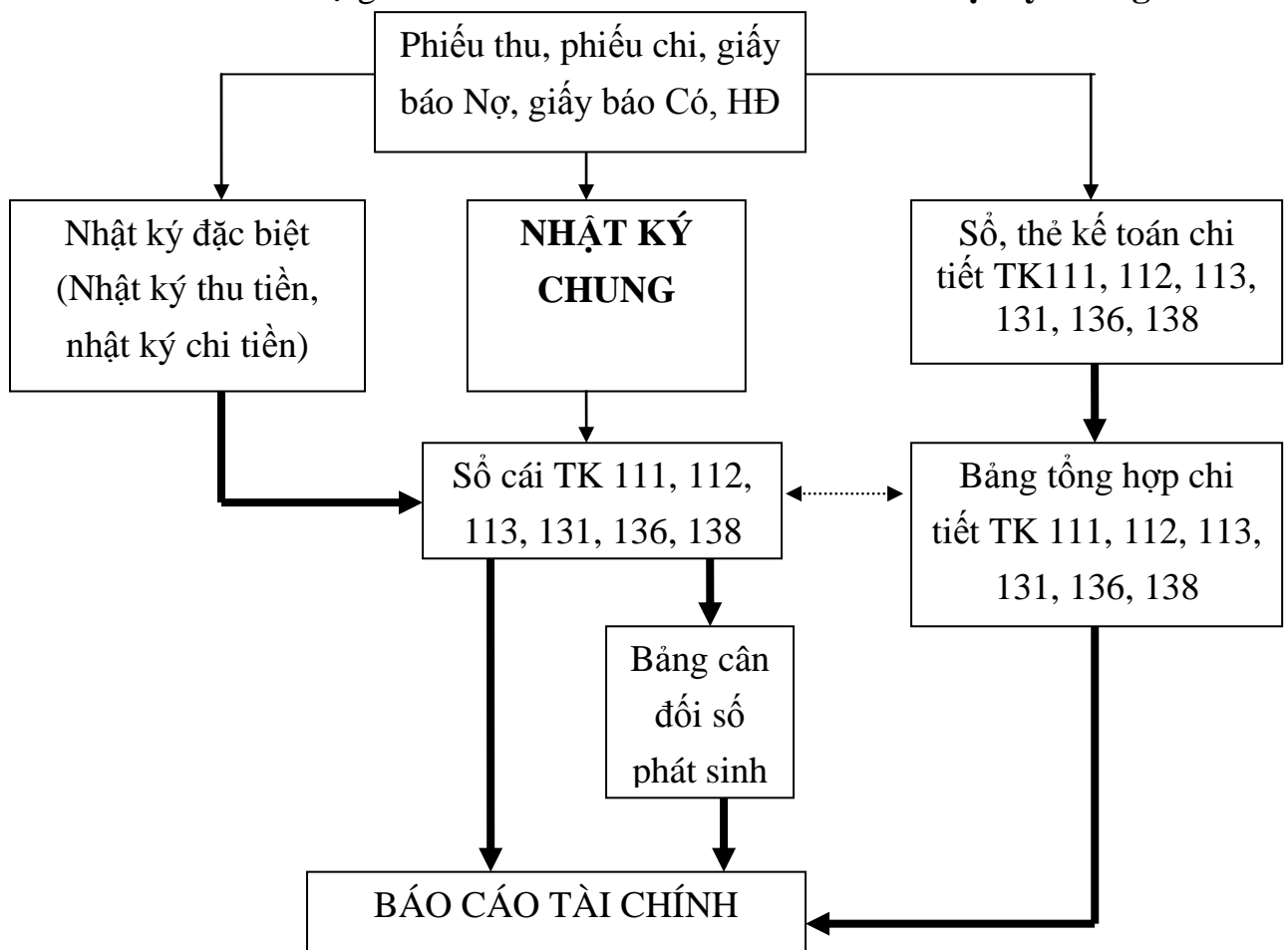
Đặc điểm chủ yếu: Các nghiệp vụ kinh tế được phát sinh vào chứng từ gốc để ghi sổ Nhật Ký Chung theo thứ tự thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh đúng mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán (quan hệ đối ứng giữa các tài khoản) rồi ghi vào sổ cái.

Hệ thống sổ bao gồm:

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ Nhật ký chung, các sổ Nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 111, 112, 113, 131, 136, 138.

- Sổ kế toán chi tiết: tương tự như hình thức trên.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có...hợp lệ kế toán định khoản kế toán rồi ghi vào sổ NKC theo thứ tự thời gian. Trường hợp đơn vị mở sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ NKC để ghi vào sổ cái TK 111, 112, 113, 131, 136, 138. Đồng thời với việc ghi sổ NKC các nghiệp vụ được ghi vào sổ kế toán chi tiết TK 111, 112, 113, 131, 136, 138. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết thì được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

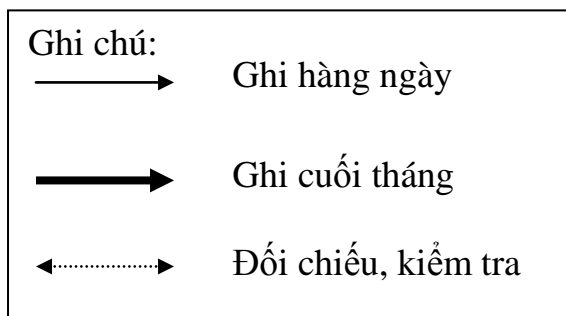
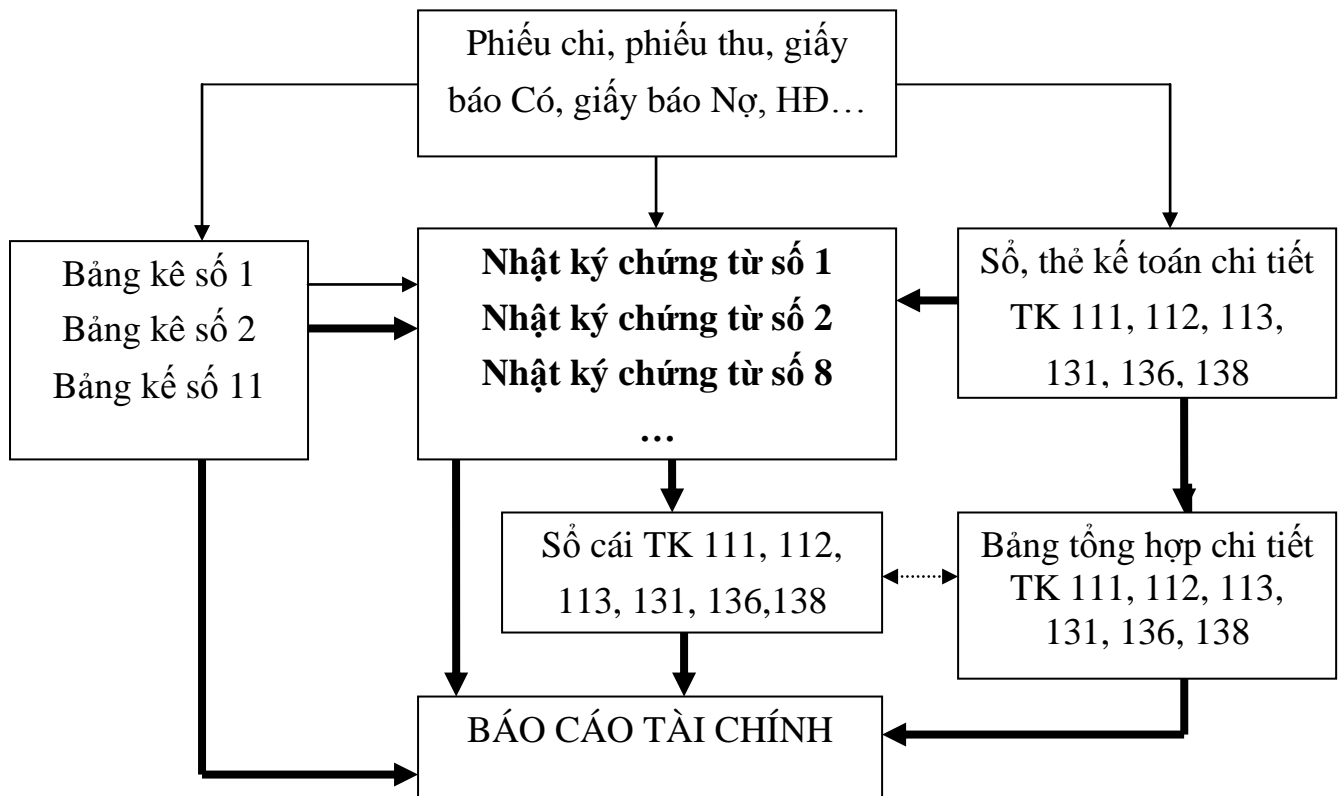
***Hình thức Nhật ký- Chứng từ**

Đặc điểm chủ yếu: Kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng.

Hệ thống sổ bao gồm:

- Sổ kế toán tổng hợp: Các Nhật ký chứng từ, các bảng kê.
- Sổ kế toán chi tiết: Ngoài các sổ kế toán chi tiết sử dụng như trong hai hình thức Chứng từ ghi sổ và Nhật ký - Sổ cái còn sử dụng các bảng phân bổ.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- Chứng từ



Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc bản kê, sổ chi tiết có liên quan. Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ thẻ kế toán, chi tiết TK 111, 112, 113, 131, 136, 138 bảng tổng hợp chi tiết TK 111, 112, 113, 131, 136, 138 rồi ghi trực tiếp vào sổ cái TK 111, 112, 113, 131, 136, 138. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký chứng từ số 1, số 2, số 8... bảng kê số 1, số 2, số 11 và các bảng tổng hợp chi tiết TK 111, 112, 113, 131, 136, 138 được dùng để lập báo cáo tài chính.

***Hình thức chứng từ ghi sổ**

Đặc điểm chủ yếu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Trong hình thức này việc ghi sổ kế toán theo thứ tự thời gian tách rời việc ghi sổ kế toán theo hệ thống trên 2 loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau là sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản.

Hệ thống sổ bao gồm:

- Sổ kế toán tổng hợp: Gồm sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản.

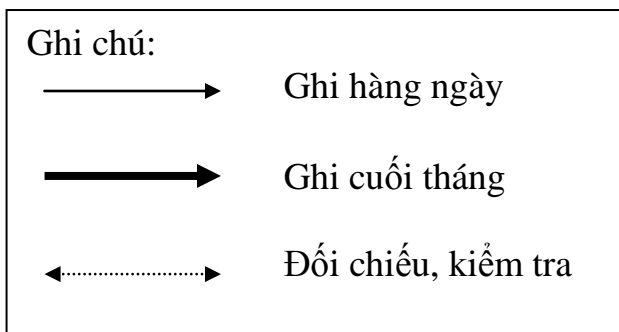
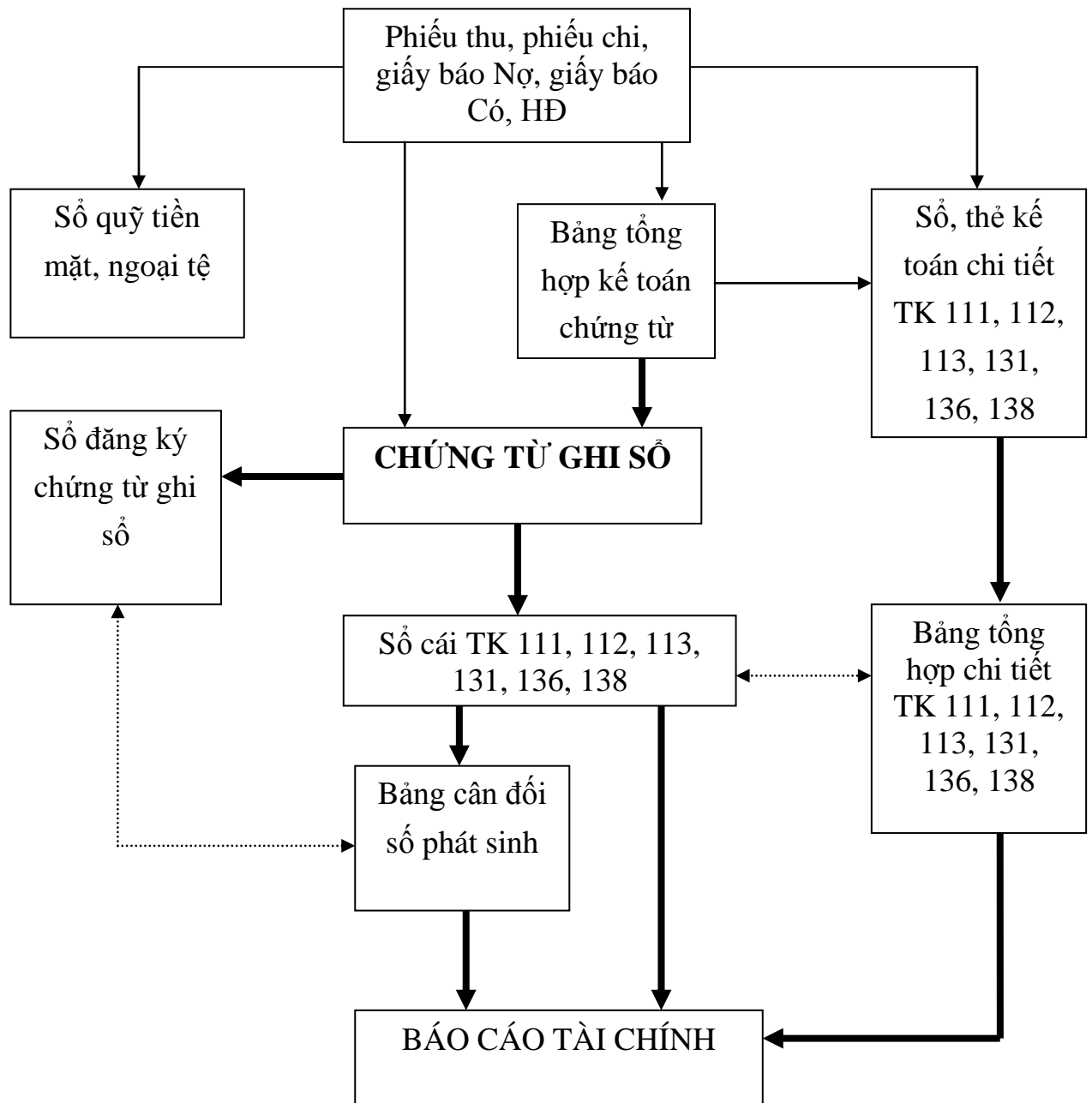
- Sổ kế toán chi tiết: Tương tự như trong Nhật ký - Sổ cái.

- Ưu điểm: Dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, thuận tiện cho việc phân công công tác và cơ giới hóa công tác kế toán.

- Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm.

- Phạm vi sử dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

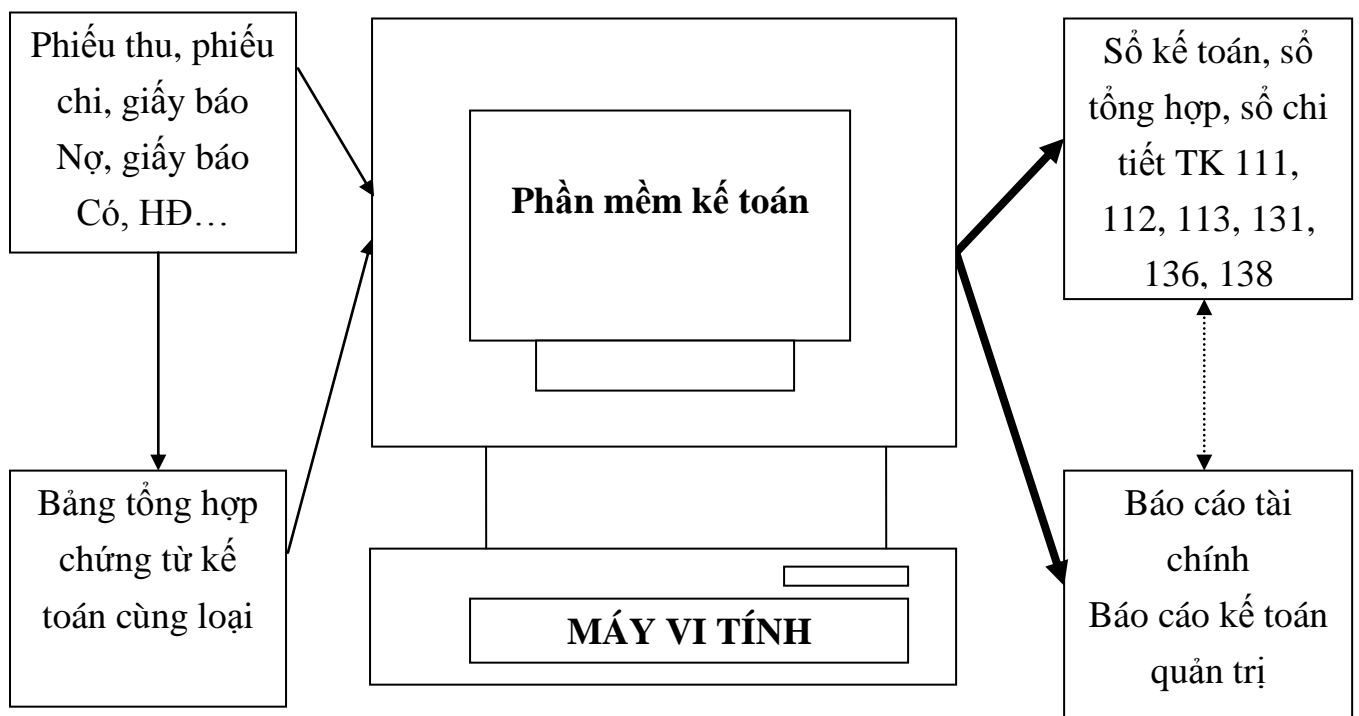
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có... hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái TK 111, 112, 113, 131, 136, 138. Cuối tháng, cuối quý căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã đối chiếu sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

*** Hình thức kế toán máy**

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên **máy vi tính**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có... hoặc bảng tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, cuối quý hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.**

**2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.**

**2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của chi nhánh công ty cổ phần
Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng**

- + Tên công ty: Chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.
- + Tên tiếng anh: New World Logistics J.S.C - HaiPhong Branch
- + Tên viết tắt: NWL
- + Trụ sở công ty: T3.P3 Tòa nhà Thành Đạt - Số 3 Lê Thánh Tông - Phường Mái Tơ - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.
- + Điện thoại: +(84)(31)3686675/3686676
- + Fax: +(84)(31)686677
- + Email: branchhp@newworldlogistics.vn
- + Website: www.newworldlogistics.vn
- + Mã số thuế: 4200671531-003.
- + Chi nhánh Hải Phòng thành lập ngày 24/05/2007, giấy ĐKKD: 0213003141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần
Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.**

Kinh doanh dịch vụ Logistics

- Vận chuyển hàng LCL và FCL từ Nam ra Bắc hoặc ngược lại theo phương thức DOOR TO DOOR.
- Giao nhận theo hình thức nguyên cont, nguyên seal.
- Lịch tàu được cập nhật liên tục.
- Hàng hóa được giao đúng ngày theo yêu cầu của khách hàng.

Dịch vụ bốc xếp, giao nhận.

- Bốc xếp hàng bao, hàng rời, sắt thép...giao nhận, lưu kho, lưu bãi
- Các thiết bị, phương tiện chuyên dùng để làm hàng xá đóng bao
- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa

Dịch vụ vận tải đường bộ

➤ Vận tải đường bộ là phần không thể tách rời trong dây chuyền cung ứng dịch vụ giao nhận kho vận. Công ty cung ứng các dịch vụ vận tải theo lịch trình, hàng gom và thuê nguyên chuyên; vận chuyển trong nước và trên lãnh thổ đối với các nước khác (đối với hàng EXW). Bao gồm: giao nhận, vận tải nguyên cont, nguyên seal. Vận tải hàng siêu trường siêu trọng, hàng rời và hàng đặc biệt. Vận chuyển hàng tạm nhập - tái xuất và tạm xuất – tái nhập.

Dịch vụ thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu.

○ Dịch vụ tư vấn hải quan:

➤ Thủ tục thông quan đối với tất cả các loại hình hàng hóa xuất nhập khẩu: hàng kinh doanh, hàng viện trợ, hàng dự án, hàng triển lãm, hàng quá cảnh, hàng tạm nhập – tái xuất, hàng tạm xuất – tái nhập, hàng phi mậu dịch.

➤ Tư vấn về khai hải quan, tính thuế, áp mã, áp giá hải quan và các chính sách thuế khác có liên quan.

➤ Tư vấn các vấn đề liên quan về xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan của các nước khác có hàng Việt Nam xuất khẩu đến.

○ Dịch vụ thủ tục hải quan:

➤ Xác định giá hàng hóa. Phân loại hàng hóa

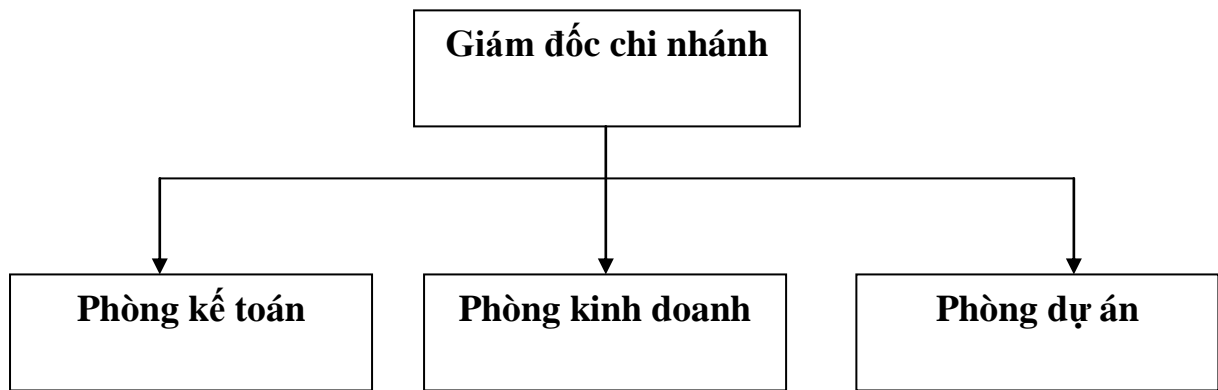
➤ Tính thuế và áp mã thuế phù hợp. Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu.

➤ Thủ tục hàng hóa xuất nhập khẩu tạm thời.

➤ Thủ tục giao nhận tại Cảng. Bảo lưu chứng từ, tư vấn.

2.1.3 Đặc điểm bộ máy quản lý của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

Chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng là một tổ chức kinh doanh hoạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của tổng công ty. Vì thế bộ máy quản lý của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, bộ máy quản lý gọn nhẹ. Do đó tạo ra bộ máy hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chi nhánh

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

➤ Giám đốc chi nhánh: Là người đứng đầu chi nhánh, giám đốc chi nhánh tổng hợp và xây dựng kế hoạch kinh doanh định kỳ. Tổ chức triển khai và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của chi nhánh. Ủy quyền cho nhân viên trong chi nhánh để khai thác tối đa năng lực hoạt động và khả năng sáng tạo của mỗi thành viên để đạt và vượt mức mọi chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được giao. Tổng kết và báo cáo kết quả kinh doanh của chi nhánh lên văn phòng công ty tổng.

Các phòng ban chức năng:

➤ Phòng kế toán:

- + Lập và ghi chép, phân loại, sắp xếp các chứng từ kế toán các hợp đồng kinh tế.
- + Ghi chép, cập nhật sổ sách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời và chính xác, lập báo cáo tài chính theo chế độ quản lý của bộ tài chính ban hành và theo quy định của tổng công ty.
- + Đảm bảo lưu trữ chứng từ theo quy định của bộ tài chính và cơ quan thuế.
- + Lập kế hoạch tài chính hàng tuần, tháng, quý, năm báo cáo ban giám đốc và cơ quan chức năng trên tổng công ty.
- + Kết hợp phòng kinh doanh đối chiếu và thu hồi công nợ đúng hạn.

➤ Phòng kinh doanh:

- + Có nhiệm vụ theo dõi tình hình kinh doanh của công ty, nắm bắt nhu cầu thị trường từ đó có những chính sách kinh doanh phù hợp.
- + Ngoài ra phòng kinh doanh còn phải nghiên cứu, quản lý nguồn hàng và thực hiện tốt việc tạo dựng khách hàng, ký kết hợp đồng.

➤ Phòng dự án:

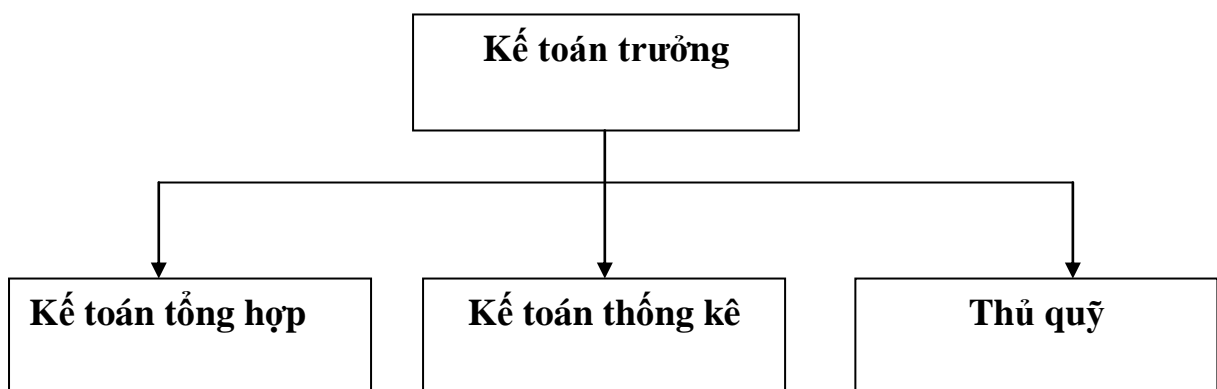
+ Đảm nhận việc vận chuyển các hàng dự án, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải, hoàn tất các thủ tục hải quan, theo dõi việc giao nhận hàng hóa của khách hàng kịp thời chính xác.

2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng

Đặc điểm chung của bộ máy kế toán tại chi nhánh là tổ chức mọi công việc kế toán đầy đủ có chất lượng và các nội dung trong công việc kế toán tại chi nhánh.

Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra thực hiện đầy đủ kịp thời chứng từ kế toán của chi nhánh.

Ngoài ra bộ máy kế toán còn phân công kiểm tra tài sản, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của chi nhánh

➤ Kế toán trưởng:

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh theo cơ chế quản lý tài chính quy định.

+ Ngoài ra kế toán cũng tham gia xét duyệt các phương án kinh doanh của công ty, phân tích tính toán hoạt động kinh doanh của công ty hàng tháng, hàng quý theo định kỳ, niên độ kế toán phải chịu trách nhiệm lập báo cáo theo quy định hiện hành để nộp cho ban lãnh đạo.

➤ Kế toán tổng hợp:

+ Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng.

+ Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phát hiện kịp thời những sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý kế toán tài chính...

+ Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện.

+ Lập phiếu nhập, xuất hàng hóa theo lệnh của Giám đốc. Lập biên bản công nợ của khách hàng. Chủ động liên hệ với khách hàng thu hồi công nợ.

+ Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hóa đơn, viết hóa đơn bán hàng.

+ Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

➤ **Kế toán thống kê**

+ Lập hợp đồng kinh tế, lập báo cáo giá bán hàng cho khách hàng, lập giấy giới thiệu cho các CBCNV trong công ty một cách kịp thời chính xác.

+ Theo dõi tình hình nhập xuất hàng hóa kỳ gửi của khách hàng và sản phẩm của ngành nghề mở rộng.

+ Quản lý con dấu và đóng dấu vào các văn bản của công ty, không được tự ý đưa dấu cho người khác đóng dấu.

+ Mở sổ theo dõi công văn đi, công văn đến. Bảo mật các nội dung văn bản, công văn theo đúng nguyên tắc hành chính văn phòng.

+ Hỗ trợ kế toán tổng hợp để hoàn thiện chứng từ đầu vào, đầu ra và các nghiệp vụ kế toán trong phòng kế toán.

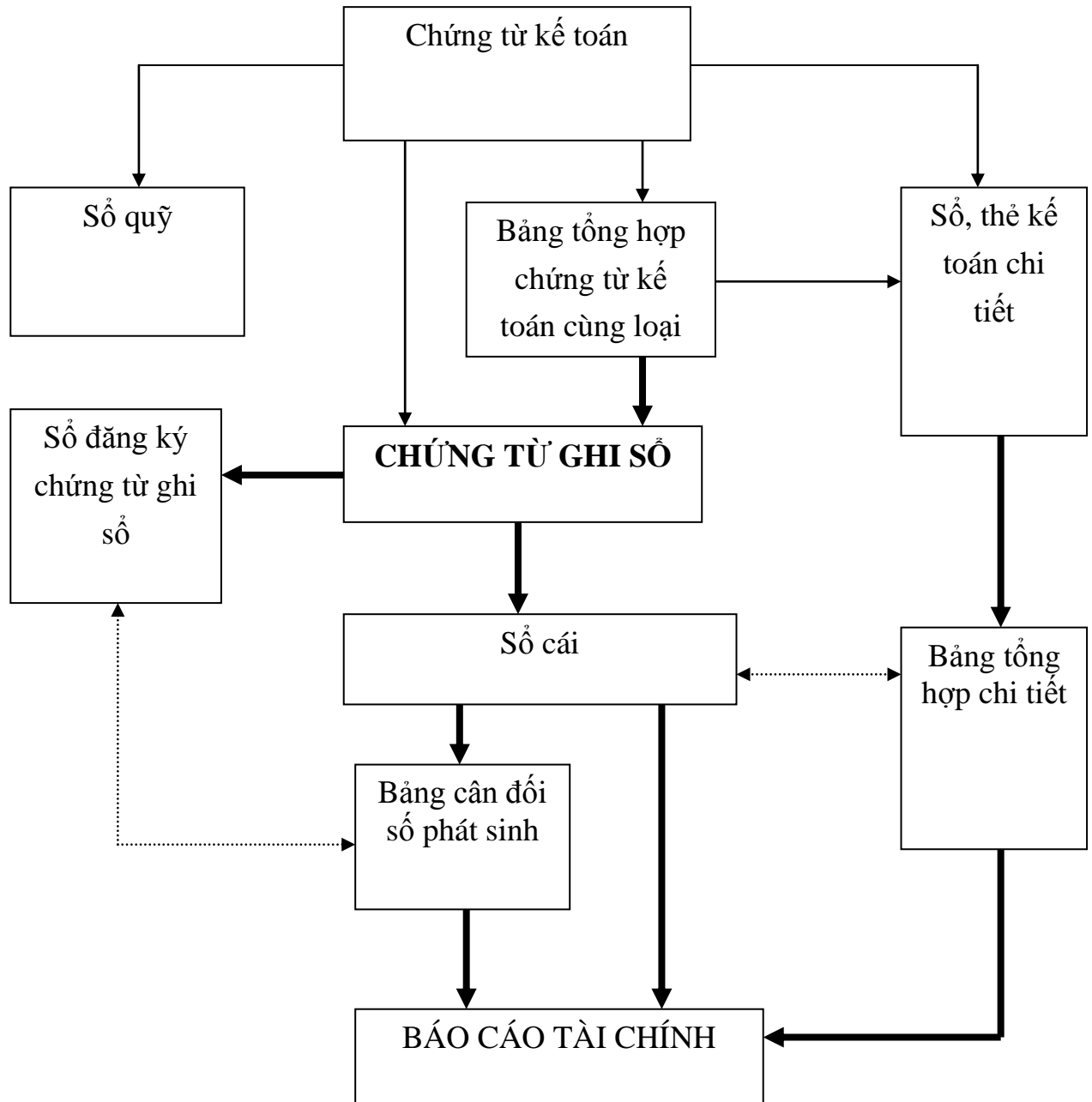
➤ **Thủ quỹ:**

+ Có nhiệm vụ quản lý và nhập xuất tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.

+ Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền quỹ thực tế, đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

2.1.5 Đặc điểm hình thức kế toán của chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

Sơ đồ 2.3: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Đặc điểm.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- + Ghi theo trình tự thời gian theo Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từ chứng từ gốc hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ gốc cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Các loại sổ chủ yếu

- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ: kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian phản ánh toàn bộ chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng. Sổ này vừa dùng để đăng ký nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ.

- Sổ Cái của hình thức chứng từ ghi sổ: được mở riêng cho từng tài khoản sử dụng (có thể chi tiết theo tài khoản cấp 2,3...). Mỗi tài khoản được mở một trang hoặc một số trang tùy theo số lượng ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít của từng tài khoản.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức CHỨNG TỪ GHI SỔ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối phát sinh.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng

nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng khoản tương ứng trên bảng tổng hợp.

Các chính sách kế toán tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng

- Công ty hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-03-2006 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán ở công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập các báo cáo tài chính của Công ty.

- Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Công tác kế toán tại chi nhánh không áp dụng phần mềm kế toán mà được thực hiện phần lớn trên các bảng tính Word và Excel, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Tổng Cục Thuế Việt Nam (HTKK3.2.0).

- Hình thức kế toán sử dụng: Chứng từ ghi sổ.

Về chứng từ:

Chứng từ sử dụng tại công ty bao gồm các chứng từ mang tính chất bắt buộc theo quy định chung sử dụng mẫu thống nhất theo quy định của nhà nước; chứng từ kế toán mang tính hướng dẫn. Ngoài ra, công ty có những mẫu chứng từ riêng phục vụ cho yêu cầu của kế toán quản trị.

Về tài khoản kế toán sử dụng:

Chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng sử dụng các tài khoản trong bảng và các tài khoản ngoài bảng của hệ thống tài khoản kế toán áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-03-2006 Bộ Tài Chính.

Đồng thời các tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2, 3 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của Công ty.

Về chế độ sổ sách sử dụng:

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ cái
- + Sổ quỹ
- + Sổ chi tiết các tài khoản
- + Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản
- + Sổ theo dõi công nợ...

Chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng là công ty hạch toán phụ thuộc nên không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính. Hiện nay công ty chỉ lập bảng cân đối số phát sinh để gửi lên **Công ty mẹ để lập các báo cáo tài chính.**

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.

2.2.1 Đặc điểm vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

Tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics luôn giữ một lượng tiền nhất định để phục vụ cho việc chi tiêu hàng ngày và đảm bảo cho hoạt động của công ty không bị gián đoạn. Tại công ty, chỉ những nghiệp vụ phát sinh không lớn mới thanh toán bằng tiền mặt, còn lại là thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

Hạch toán vốn bằng tiền do thủ quỹ thực hiện và được theo dõi từng ngày, tiền mặt của công ty tồn tại chủ yếu dưới dạng đồng nội tệ và rất ít dưới dạng đồng ngoại tệ.

Tại chi nhánh luôn đưa ra những biện pháp để có thể thu hồi khoản nợ phải thu một cách nhanh chóng, đúng hạn và theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu để tránh tình trạng bị người mua chiếm dụng phần tài sản của chi nhánh, và luôn thực hiện đúng pháp luật tránh tình trạng về gian lận trong việc hạch toán các khoản phải thu.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.

2.2.2.1 Chứng từ và TK sử dụng

- Phiếu thu (01-TT), Phiếu chi (02- TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (03-TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (04- TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (05-TT)
- Biên lai thu tiền (06-TT)
- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý (07-TT)
- Bảng kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý) (08b-TT)

- Bảng kê chi tiền (09-TT)
- Giấy báo Có, báo Nợ, Bản sao kê của ngân hàng.
- Các chứng từ khác như: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.
- Biên bản bù trừ công nợ
- Quyết định cấp vốn
- Quyết định thu hồi vốn
- Biên bản giao nhận vốn
- Các chứng từ khác có liên quan.

* Ở chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng do tính chất hoạt động, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền đang chuyển hầu như không có, nên kế toán vốn bằng tiền chỉ sử dụng chủ yếu 2 tài khoản: TK 111 (Tiền mặt tại quỹ) và TK 112 (Tiền gửi ngân hàng).

❖ Tài khoản 111 có 2 tài khoản cấp 2

- TK1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

- TK1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

❖ Vì sử dụng rất nhiều tài khoản tại các ngân hàng khác nhau như: NH TMCP Á Châu HP, Ngân hàng đầu tư và phát triển HP, Ngân hàng Ngoại thương HP, Ngân hàng nông nghiệp và PTNT VN,... nên công ty đã mở ra đến tài khoản cấp 5 cho TK 112:

1121V: Tiền gửi Việt Nam đồng (VCB)

1121B: Tiền gửi Việt Nam đồng (BIDV)

1121M: Tiền gửi Việt Nam đồng (Maritime bank)

1121T : Tiền gửi Việt Nam đồng (Techcom bank)

1121I : Tiền gửi Việt Nam đồng (Vietin)

1122BE: Tiền gửi ngoại tệ EUR (BIDV)

1122V: Tiền gửi ngoại tệ USD (VCB)

1122M : Tiền gửi ngoại tệ USD(MB)

1122VE : Tiền gửi ngoại tệ EUR(VCB)

1122BU: Tiền gửi ngoại tệ USD (BIDV)...

❖ Về các khoản phải thu có các TK sau: TK 131, TK 136, TK 138

TK 131- Phải thu của khách hàng gồm 2 TK cấp 2 là:

TK 1311- Phải thu trong nước

TK 1312- Phải thu ngoài nước

TK 136: Phải thu nội bộ gồm 2 TK cấp 2 là:

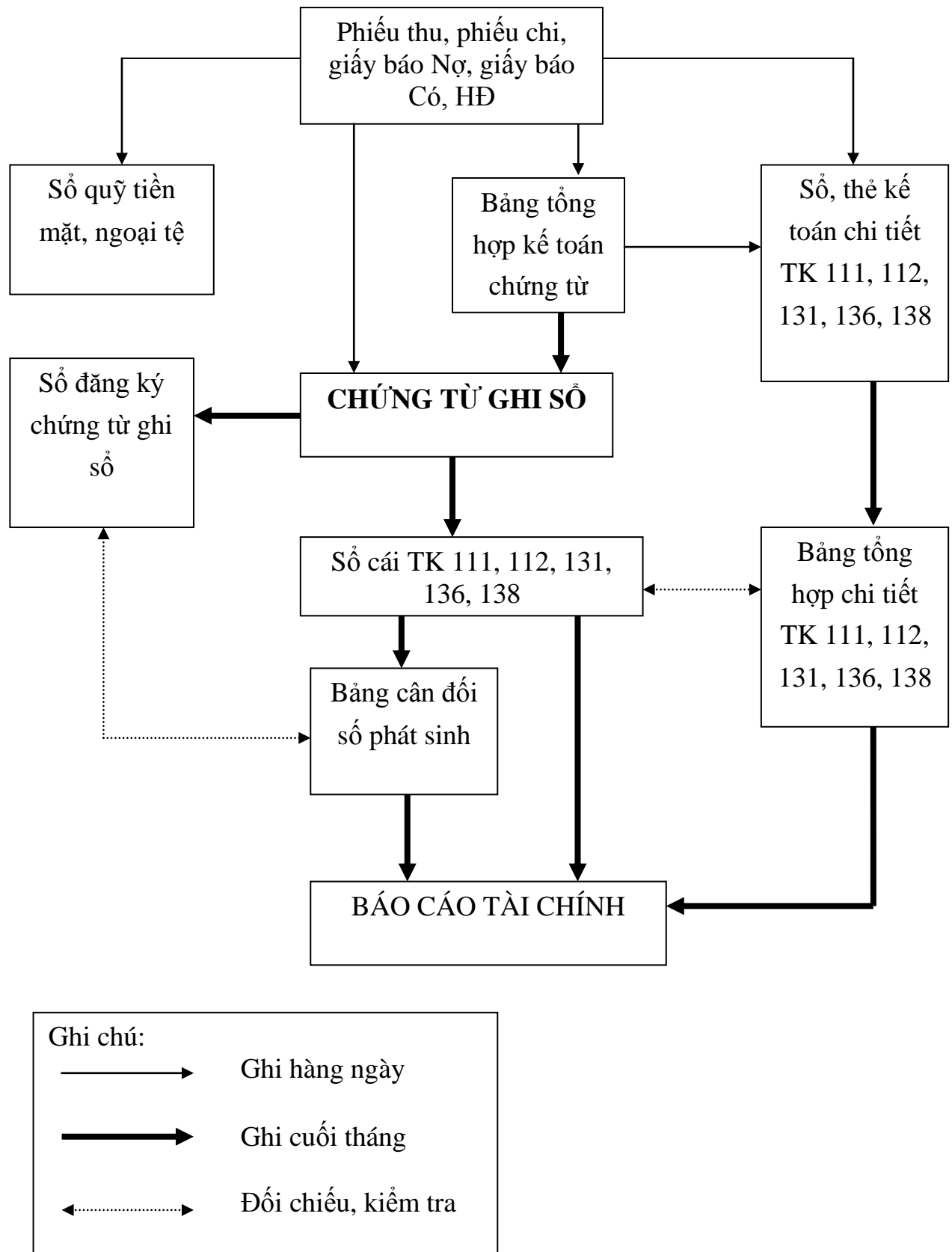
TK 1361: Vốn KD ở đơn vị phụ thuộc.

TK 1368: Phải thu nội bộ khác.

TK 138: Phải thu khác có TK cấp 2 chủ yếu là TK 1388, dùng để phản ánh các NV:

- + Tạm ứng để làm hàng cho khách hàng, phí chuyển tiền lấy lệnh
- + Nâng hạ, lưu cont
- + Phí DO (phí giao hàng), THC (phí xếp dỡ tại cảng), CFS (phí kho bãi), CIC
- + Phí lấy lệnh, phí chứng từ, phí giám định
- + Phí hạ vỏ, VSC (vệ sinh cont)
- + Phí giao nhận, bốc xếp...

2.2.2.2 Quy trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh

*** Ví dụ về nghiệp vụ liên quan tới hạch toán kế toán vốn bằng tiền**

VD1: Ngày 2/12/2013 thu tạm ứng làm hàng cho Công ty CP Công nghiệp đóng tàu Đông Bắc số tiền 30.000.000đ.

- Căn cứ vào phiếu thu (Biểu 1.1) lập bảng kê phần thu (Biểu 1.6)
- Chứng từ ghi sổ (Biểu 1.8) và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 4.7) và sổ cái TK 111 (Biểu 1.9)

VD2: Ngày 10/12/2013 trả tiền phí DO, lưu cont, lấy lệnh, nâng hàng hộ cho công ty CP Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc số tiền 9.267.863 đ.

- Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng (Biểu 1.3) và phiếu chi ngày 10/12/2013 (Biểu 1.2), cuối ngày lên sổ quỹ tiền mặt (Biểu 1.5); lập bảng kê phần chi (Biểu 1.7), Báo cáo quỹ (Biểu 1.10)
- Căn cứ, phần thu, phần chi tiền mặt để lập chứng từ ghi sổ (Biểu 1.8) vào cuối tháng, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 4.7)
- Từ chứng từ ghi sổ lập sổ cái 111 (Biểu 1.9)
- Và cuối quý sẽ lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó gửi bảng cân đối số tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết TK 111 vào cho kế toán của tổng công ty để lập các báo cáo tài chính cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN
THẾ GIỚI – CN. HẢI PHÒNG
03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng
MST: 4200671531-003

PHIẾU THU

Mẫu số: 01-TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/ 2006 của Bộ trưởng BTC

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2013

Số phiếu: PT239
TK Nợ: TK111
TK Có: TK 131

Họ tên người nộp tiền: **Trần Thế Vinh**

Địa chỉ: **Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc**

Nội dung: **Thu tạm ứng làm hàng cho cty CP Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc**

Số tiền viết bằng số: **30.000.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Ba mươi triệu đồng chẵn**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Đã nhận đủ số tiền: **Ba mươi triệu đồng chẵn**

Hải Phòng, ngày 02 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nộp tiền
(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)

Biểu 1.1: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty CP Logistics Tân Thế Giới
 Bộ phận: NWL - HP

Mẫu số: 03- TT
 (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-
 BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Số: 406

Kính gửi: **Giám đốc công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng**

Tên tôi là: **Đặng Đình Vượng**

Bộ phận: **Phòng dự án**

Đề nghị tạm ứng số tiền: **9.267.863 đồng**

Bằng chữ: *Chín triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng chẵn.*

Lý do tạm ứng: **Phí DO, lưu công, lấy lệnh cho Đông Bắc job: 130510**

Thời hạn thanh toán: Sau khi công việc hoàn thành

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2013

**Giám đốc chi
nhánh**

Kế toán

**Phụ trách bộ
phận**

Người tạm ứng

Biểu 1.3: Giấy đề nghị tạm ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
 TÂN THẾ GIỚI – CN. HẢI PHÒNG
 03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng
 MST: 4200671531-003

PHIẾU CHI

Liên 1: Lưu

Mẫu số: 02-TT
 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số phiếu: **PC318**

TK Nợ: **TK 138**

TK Có: **TK 111**

Họ tên người nhận tiền: **Đặng Đình Vượng**

Địa chỉ: **New World Logistics – Hai Phong Branch**

Nội dung: **TT phí DO, chi hộ lưu cont, lấy lệnh, nâng hàng cho Đông Bắc**

Số tiền viết bằng số: **9.267.863 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Chín triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng chẵn.**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: **02 chứng từ**

Đã nhận đủ số tiền: *Chín triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng chẵn.*

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
 (Ký ghi rõ họ
tên)

Kê toán trưởng
 (Ký ghi rõ họ
tên)

Thủ quỹ
 (Ký ghi rõ họ
tên)

Người lập phiếu
 (Ký ghi rõ họ
tên)

Người nhận tiền
 (Ký ghi rõ họ
tên)

Biểu 1.2: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty CP Logistics Tân Thế giới
 Bộ phận NWL- HP

Mẫu số: 03- TT
 (Ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ- BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)



SỔ QUỸ TIỀN MẶT (Trích)
Tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Số dư ngày 30/11/2013			<u>7.873.280</u>
1/12/2013	1/12/2013		PC307	Chi tiếp khách ở tại công ty TNHH dịch vụ giải trí Đông Dương		2.060.000	5.813.280
2/12/2013	2/12/2013	PT239		Thu tạm ứng làm hàng của công ty CP công nghiệp Tàu thủy Đông Bắc	30.000.000		35.813.280
2/12/2013	2/12/2013		PC308	TT thuê máy photo tháng 4/2013 cho Công ty TNHH TM & Kỹ thuật Thành Hưng		1.200.000	34.613.280
2/12/2013	2/12/2013		PC309	Nộp tiền vào tài khoản		20.000.000	14.613.280
3/12/2013	3/12/2013	PT240		Thu tạm ứng làm hàng cho công ty TNHH Hamico	11.000.000		25.613.280
3/12/2013	3/12/2013		PC310	Nộp tiền vào tài khoản		5.000.000	20.613.280
6/12/2013	6/12/2013	PT241		Rút tiền ngân hàng nộp quỹ	10.000.000		30.613.280
7/12/2013	7/12/2013		PC311	Phí xếp dỡ, phí chứng từ làm hàng cho công ty TNHH 1 thành viên đóng tàu Hạ Long		3.965.047	26.648.233
7/12/2013	7/12/2013		PC312	Chi hộ làm hàng cho Đông Bắc		11.053.797	15.594.436
			
10/12/2013	10/12/2013		PC318	TT tiền lưu cont, lấy lệnh cho Đông Bắc		9.267.863	55.650.728
11/12/2013	11/12/2013		PC319	Chi hộ cho chi nhánh Hà Nội		10.000.000	45.650.728
			
				Cộng	202.968.936	204.803.076	<u>6.039.140</u>

Biểu 1.5: Sổ quỹ tiền mặt

BẢNG KÊ PHẦN THU TK 111 (TRÍCH)

Tháng 12 năm 2013

Ghi Nợ TK 111 – Tiền mặt

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111, ghi Có các TK				
	SH	NT		TK112	TK131	TK138	...	Cộng Nợ TK111
1	PT239	2/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng cho công ty CP Công nghiệp TT Đông Bắc		30.000.000			30.000.000
2	PT240	3/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng cho công ty TNHH Hamico			11.000.000		11.000.000
3	PT241	6/12/2013	Rút tiền ngân hàng nộp quỹ	10.000.000				10.000.000
4	PT242	7/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng cho công ty TNHH Một thành viên đóng tàu Hạ Long			20.000.000		20.000.000
5	PT243	9/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng cho Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đông Bắc			50.000.000		50.000.000
			...					
			Cộng	29.521.138	36.299.694	111.178.431	...	202.968.936

Biểu 1.6: Bảng kê phần thu tiền mặt

BẢNG KÊ PHẦN CHI TK 111 (TRÍCH)

Tháng 12 năm 2013

Ghi Có TK 111 – Tiền mặt

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111, ghi Nợ các TK khác					Cộng Có TK111
	SH	NT		TK112	TK138	TK331	TK642	...	
1	PC307	1/12/2013	Chi tiếp khách				2.060.000		2.060.000
2	PC308	2/12/2013	TT thuê máy photo tháng 4/2013			1.200.000			1.200.000
3	PC309	2/12/2013	Nộp tiền vào tài khoản	20.000.000					20.000.000
4	PC310	3/12/2013	Nộp tiền vào tài khoản	5.000.000					5.000.000
5	PC311	7/12/2013	Phí xếp dỡ, phí chứng từ làm hàng cho Hạ Long		3.965.047				3.965.047
6	PC312	7/12/2013	TT hộ làm hàng cho Đông Bắc		11.053.797				11.053.797
...		
10	PC318	10/12/2013	TT phí lưu DO,cont, lấy lệnh cho Đông Bắc		9.267.863				9.267.863
...		
			Cộng	34.965.787	32.654.984	9.564.990	4.987.224	...	204.803.076

Biểu 1.7: Bảng kê phần chi tiền mặt

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HP

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 420067531-003

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền gửi ngân hàng	111	112	29.521.138	
Thu tiền của khách hàng	111	131	36.299.694	
Thu các khoản thu khác	111	138	111.178.431	
	111	
Cộng			202.968.936	

Kèm theo...chứng từ gốc

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 1.8: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HP

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 420067531-003

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Rút tiền mặt gửi ngân hàng	112	111	34.965.787	
Chi phí khác bằng tiền mặt	138	111	32.654.984	
Chi tiền mặt trả người bán	331	111	9.564.990	
Chi phí QLDN trong tháng bằng tiền mặt	642	111	4.987.224	
....	...	111	...	
Cộng			204.803.076	

Kèm theo...chứng từ gốc

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI – CN.HP

Mẫu số S02c1- DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 4200671531-003

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2013

Tài khoản: Tiền mặt Việt Nam

Số hiệu: 1111

Số dư đầu kỳ:

7.873.280	
------------------	--

Số phát sinh:

202.968.936	204.803.076
--------------------	--------------------

Số dư cuối kỳ:

6.039.140	
------------------	--

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SH	NT			NỢ	CÓ	
			<u>Số dư 30/11/2013</u>		<u>7.873.280</u>		
			<u>Tháng 12 năm 2013</u>				
31/12/2013	01/12	31/12/2013	Thu tiền gửi ngân hàng	112	29.521.138		
			Thu tiền của khách hàng	131	36.299.694		
			Thu các khoản khác	138	111.178.431		
				
	02/12	31/12/2013	Rút tiền mặt gửi ngân hàng	112		34.965.787	
			Chi phí khác bằng tiền mặt	138		32.654.984	
			Chi tiền mặt trả người bán	331		9.564.990	
			Chi phí QLDN trong tháng bằng tiền mặt	642		4.987.224	
				
			Cộng phát sinh		202.968.936	204.803.076	
			<u>Số dư cuối tháng</u>		<u>6.039.140</u>		

Biểu 1.9: Sổ cái TK 111

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 420067531-003

BÁO CÁO QUỸ
(Tháng 12 năm 2013)

STT	CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÊN CÔNG TY	SỐ TIỀN		
	SH	NT			THU	CHI	TỔN
			Số dư 30/11/2013				7.873.280
			Tháng 12/2013				
1	PC307	1/12/2013	Chi tiếp khách	Công ty TNHH dịch vụ và giải trí Đông Dương		2.060.000	5.813.280
2	PT239	2/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng	Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	30.000.000		35.813.280
3	PC308	2/12/2013	TT thuê máy photo tháng 4/13	Công ty TNHH TM & Kỹ thuật Thành Hưng		1.200.000	34.613.280
4	PC309	2/12/2013	Nộp tiền vào tài khoản	New World Logistics – Hai Phong Branch		20.000.000	14.613.280
5	PT240	3/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng Hamico	Công ty TNHH Hamico	11.000.000		25.613.280

11	PC313	7/12/2013	Cước chuyển phát nhanh tháng 4/2013	Tổng công ty CP Bưu Chính Viettel (Viettel Post)		260.400	47.583.022
12	PC313	7/12/2013	Thuế GTGT	Tổng công ty CP Bưu Chính Viettel (Viettel Post)		26.040	47.556.982
13	PC314	7/12/2013	Nâng hạ, lưu công, VSC,...	Công ty TNHH 1 Thành viên		8.437.528	29.119.454

				Đóng tàu Hạ Long			
14	PC315	7/12/2013	Tiếp khách	công ty TNHH Dịch vụ Giải Trí Đông Dương		2.260.000	36.859454
15	PC315	7/12/2013	Thuế GTGT	công ty TNHH Dịch vụ Giải Trí Đông Dương		226.000	36.633.454
16	PC316	9/12/2013	Nâng hạ, Lưu cont	Công ty TNHH 1 Thành viên Đóng tàu Hạ Long		1.837.000	34.796.454
17	PT243	9/12/2013	Thu tạm ứng làm hàng	Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	50,000,000		84.796.454
18	PC317	9/12/2013	TT hộ làm hàng	Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc		19.877.863	64.918.591
19	PC318	10/12/2013	Phí DO, Phí lưu cont, lấy lệnh, nâng hàng,...	Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc		9.267.863	55.650.728
...
84	PC349	31/12/2013	Phí lưu kho, giao nhận	Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc		2.289.100	6.039.140
			Cộng phát sinh		202.968.936	204.803.076	
			<u>Số dư cuối tháng</u>				<u>6.039.140</u>

Biểu 1.10: Báo cáo quỹ

VD3: Ngày 16/12/2013 ứng tiền cho anh Đặng Đình Vượng làm hàng cho công ty cổ phần Công Nghiệp tàu thủy Hạ Long Job 131208 số tiền là 22.000.000đ.

- Căn cứ giấy đề nghị tạm ứng của anh Đặng Đình Vượng, kế toán lập phiếu chi 518, Phiếu thu phí (Biểu 2.2), Sau khi anh Đặng Đình Vượng đi làm các thủ tục làm hàng sẽ lập bảng kê thanh toán tạm ứng, giấy đề xuất thanh toán (Biểu 2.1), sau đó hoàn trả quỹ số tiền thừa tạm ứng. Kế toán lập phiếu thu tiền hoàn ứng.

- Lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.9) và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 4.7), sổ cái (Biểu 2.10)

VD4: Ngày 8/12/2013 ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thu phí dịch vụ SMS số tiền 55.000đ.

- Căn cứ vào sổ hoạch toán chi tiết và giấy báo Nợ (Biểu 2.3)

- Lập chứng từ ghi sổ (Biểu 2.9) và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 4.7), sổ cái (Biểu 2.11)

VD5: Ngày 16/12/2013 thanh toán cước vận chuyển cho tàu Hạ Long số tiền 28.200.000đ thông qua Ngân hàng Vietcombank.

- HĐ GTGT (Biểu 2.4)

- Ủy nhiệm chi (Biểu 2.5) lập sổ tiền gửi ngân hàng (Biểu 2.6), bảng kê phân thu (Biểu 2.7), bảng kê phân chi (Biểu 2.8)

- Và cuối quý sẽ lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó gửi bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 (Biểu 2.10) vào cho kế toán của tổng công ty để lập các báo cáo tài chính cần thiết.

V

Đơn vị: **CÔNG TY CP LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI** Mẫu số 03-TT
 Bộ phận: **NWL - HP** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG
Số:

Kính gửi: **Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Tân Thế Giới Tại Hải Phòng**

Tên tôi là: Đặng Đình Vượng

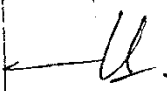

Bộ phận: _____

Đề nghị tạm ứng số tiền: 22,000,000.

Bảng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn.

Lý do tạm ứng: Hàng hóa long seant. job 131208.

Thời hạn thanh toán: _____

Giám đốc Chi nhánh	Kế toán	Phụ trách bộ phận	Người tạm ứng
			

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI HẢI PHÒNG
 03 Lê Brừn Đổng - TP. Hải Phòng
 MSIT: 42006/1531-003
 TÀI HẢI PHÒNG

PHIẾU CHI
 Liên 2 (Giao khách hàng)
 TP Hải Phòng, ngày 16 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 02-TT
 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20 tháng 3 năm 2006
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính"

Họ tên người nộp tiền: **Đặng Đình Vượng**

Địa chỉ: **New World Logistics - Hai Phong Branch**

Nội dung: **Ứng tiền làm hàng HL job 131208**



Số tiền viết bằng số: **22,000,000 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Hai mươi hai triệu đồng chẵn.**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: **Chứng từ**

Đã nhận đủ số tiền: **Hai mươi hai triệu đồng chẵn.**

TP Hải Phòng, ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giám đốc (Ký ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký ghi rõ họ tên)	Thủ quỹ (Ký ghi rõ họ tên)	Người lập phiếu (Ký ghi rõ họ tên)	Người nhận tiền (Ký ghi rõ họ tên)
			 Vũ Thị Yến	 Đặng Đình Vượng



NEW WORLD LOGISTICS J.S.C - HAIPHONG BRANCH

3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: (84) 31 3686676 - Fax: (84) 31 3686676

Email: vnwhp@newworldlogistics.vn Website: www.newworldlogistics.vn

GIẤY ĐỀ XUẤT THANH TOÁN

Họ và tên: <u>Dặng Đình Vương</u>		Bộ phận:	Job File No: <u>13A208/H1</u>
Stt	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
1	Thanh toán tiền hu vò Hu Long	847.000	✓ 11/2/10882
2	02 - 40 FR		
3			
4			
5			
6			
Tổng cộng		847.000	
Bảng chữ:			
Người đề xuất	Quản lý bộ phận	Kế toán	Lãnh đạo công ty
Ngày: <u>20/12/13</u>	Ngày:.....	Ngày:.....	Ngày:.....



NEW WORLD LOGISTICS J.S.C - HAIPHONG BRANCH

3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: (84) 31 3686676 - Fax: (84) 31 3686676

Email: vnwhp@newworldlogistics.vn Website: www.newworldlogistics.vn

GIẤY ĐỀ XUẤT THANH TOÁN

Họ và tên: <u>Dặng Đình Vương</u>		Bộ phận:	Job File số: <u>13A208/H2</u>
Stt	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
1	Hu long lễ 3 căn A		
2			
3	Hu vò căn A 20	291.500	HA-10882
4			
5			
6			
7			
8			
Tổng cộng		291.500	
Bảng chữ:			
Người đề xuất	Quản lý bộ phận	Kế toán	Lãnh đạo công ty
Ngày: <u>20/12/13</u>	Ngày:.....	Ngày:.....	Ngày:.....

Biểu 2.1: Giấy đề xuất thanh toán



NEW WORLD LOGISTICS J.S.C - HAIPHONG BRANCH

3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: (84) 31 3686676 - Fax: (84) 31 3686676

Email: vnwhp@newworldlogistics.vn Website: www.newworldlogistics.vn

GIẤY ĐỀ XUẤT THANH TOÁN

Họ và tên: Đặng Đình Vương		Bộ phận:	Job File số: 131208
Stt	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
1	Hà Long (E-Scan) Bill 36321380		TK: 156
2	Năng phí	1969,000	HĐ: 1,29198
3	phí chuyển tiền	22,000	phn
4	phí lưu trữ	2,549,481	HĐ: 14738
5	phí đại lý	1,522,190	HĐ: 20896
6	lãi lãnh	9,781,812	HĐ: 14656
7			
8			
Tổng cộng		15,844,585-	
Bảng chữ:			
Người đề xuất	Quản lý bộ phận	Kế toán	Lãnh đạo công ty
Ngày: 11/11/13	Ngày:	Ngày:	Ngày:

 CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI HẢI PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI HẢI PHÒNG MST: 1200671531-003 TP. Hải Phòng		PHIẾU THU Liên 2 (Giao khách hàng) TP Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2013		Mẫu số: 01-TT QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính"
Họ tên người nộp tiền	Đặng Đình Vương		Số phiếu	PT127
Địa chỉ:	New World Logistics - Hai Phong Branch		TK Nợ:	
Nội dung:	Hoàn ứng phí làm hàng HL Job 131208		TK Có:	
Số tiền viết bằng số:	5,016,917 đồng			
Số tiền bằng chữ:	Năm triệu không trăm mười sáu ngàn chín trăm mười bảy đồng chẵn.			
Số lượng chứng từ gốc kèm theo:	Chứng từ			
Đã nhận đủ số tiền:	Năm triệu không trăm mười sáu ngàn chín trăm mười bảy đồng chẵn.			
	TP Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2013			
Giám đốc (Ký ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký ghi rõ họ tên)	Thủ quỹ (Ký ghi rõ họ tên)	Người lập phiếu (Ký ghi rõ họ tên)	Người nộp tiền (Ký ghi rõ họ tên)
			Vũ Thị Yên	Đặng Đình Vương

esults 1 - 1 of 1

NGAN HANG TMCP QUAN DOI
Nam Hai Phong(NQ)

PHIEU THU PHI

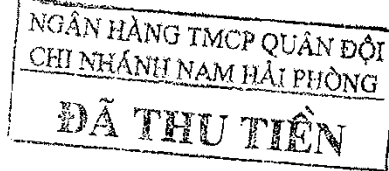
Ngày : 16/12/13
Ma giao dich: CHG13350NVGFH
Ma Phi: TMKMBKTPCN Nguyen te: VND
Ma khách hàng:
Ten Khách hàng: TM TAI QUY NQRT1.4-VND

Tai khoan No: VND1000115740253
TM TAI QUY NQRT1.4-VND

Tai khoan Co: PL52037 20,000.00
VND1620100010253 2,000.00

So tien: 22,000.00

So tien bang chu :
HAI MUOI HAI NGHIN VND



Dien giai: THU PHI CT DI DEUTSCHE BANK HCM
DANG DINH VUONG, DONG TAU HA LONG

Biểu 2.2: Phiếu thu phí

Mietcombank
Chi nhánh Hải Phòng

Số HẠCH TOÁN CHI TIẾT

Số 129
Ngày 08/12/2013
Số tài khoản: 091

Số CIF: 3247102
Mã NHNN: 4311
Tài khoản: 003.1.00.085579.5
CNCTY CP LOGISTICS TAN THE GIOI TAI HP

Ngày HỒI: 05/12/2013
Số dư đầu ngày: 125 737 738.00

Ngân Đ	Mã Ngân Đ	Hạng	Ng. Iap/SC/Phg	Số Reference	Doanh số nợ	Doanh số có
001213	1983	VSMS.637702	Z 00	VND003430101008	55 000.00	0
Doanh số ngày					55 000.00	
Doanh số tháng					45 564 000.00	40 159 000.00
Doanh số năm					2 410 328 953.00	2 405 269 551.00
Số dư cuối ngày:						125 682 738.00

Ngày ghi in 09/12/2013 09:12:56

Hoa đơn được ban hành kèm theo GD số 210/QĐ-NHNT, THACOBT ngày 12/05/2013 của LTD-CC

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

CHUNG TỬ GIẢCH DỊCH
GIẤY BẢO MẬT

Số HD: 001213.1164.637702

Mã VAT NH: 0100112437004 Ngày: 08/12/2013

TK ghi nợ: 003.1.00.085579.5 VND
Tên tài khoản: CNCTY CP LOGISTICS TAN THE GIOI TAI HP
Số CIF: 3247102 Mã VAT khách hàng: 4200671890-000

TK ghi có: VND.003.439802008
Tên tài khoản: THU PHI DỊCH VỤ TÀI KHOẢN-BTBT 10X
Số tiền: 55 000.00
Sang chủ (Nam Huoi Lam Ngan Dong Chan)
Số tiền phí: 55 000.00 Tỷ giá:
Thu nhập: 50 000.00 Thuế VAT: 5 000.00

Nội dung: VSMS. THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 1/2013. CBY: 09748384. Số điện thoại 09774492

Giảch dịch viên   Giảch dịch viên  Giảch dịch viên

Biểu 2.3: Sổ hạch toán chi tiết và giấy



**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG
NEW WORLD LOGISTICS J/S COMPANY- HAI PHONG BRANCH**

Địa chỉ (Address): 03 Lê Thánh Tông - Q. Ngô Quyền - TP. Hải Phòng
Điện thoại (Tel): +84.31.3686676 Fax: +84.31.3686677 Email: accounthp@newworldlogistics.vn
Mã số thuế (Tax code): 4200671531-003

**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE**

Liên 1 (Copy 1): Lưu / File

Mẫu số: 01GTKT3/002
Ký hiệu (Series): HP/13P

Số TK (Acc No): 0031.000.855.795
Ngân hàng (Bank): TMCP. Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng
Hình thức thanh toán (Method of payment): Chuyển khoản/ Tiền mặt

Số hoá đơn (Invoice No): 0000053
Ngày hoá đơn (Invoice date): 16/12/2013

Hồ sơ số (Job File No): INL/131208

Họ tên người mua hàng (Purchaser name):	- Phương tiện/ Số chuyển/ Tên tàu (Voyage/ Vessel)
Tên đơn vị (Customer Name): Công ty TNHH 1 Thành viên Đông tàu Ha Long	- Vận đơn số (Bill of Lading No): HLCURTM131018985
Địa chỉ (Address):	- Nơi nhận hàng (Place of Receipt):
Phường Giếng Đáy, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	- Cảng xếp hàng (Port of Loading): Rauma
Mã số thuế (Tax code): 5700100129	- Nơi giao hàng (Place of Delivery):
	- Cảng dỡ hàng (Port of Discharge): Haiphong, Vietnam

Stt (No)	Tên hàng hoá, dịch vụ (Description)	Đvt (Unit)	Số lượng (Quantity)	Loại tiền (Currency)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Cước vận chuyển tàu ATD 2412					28,200,000
2	Phí giao nhận Tờ khai số 136 ngày 11/12/2013					310,000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%						
Cộng tiền (Sub total):						28,510,000
Tiền thuế GTGT (VAT amount):						2,851,000
Tổng cộng (Grand total):						31,361,000

Số tiền bằng chữ (Grand total in words): Ba mươi một triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn đồng chẵn

Người mua hàng (Customer)
Bán hàng qua
ĐT/ Fax/ Email

Người viết hoá đơn (Invoice prepared)

Vũ Thị Yên

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đại diện Công ty (For approval of Company)
TẠI HẢI PHÒNG
Giám đốc Chi nhánh
Nguyễn Thị Thanh Hương

In tại Công ty TNHH In Lạc Việt - MST: 4200557349 - ĐC: 15C Thái Nguyên - Nha Trang

Biểu 2.4: Hóa đơn

VIETCOMBANK CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	ỦY NHIỆM CHI Hải Phòng, ngày 16 tháng 12 năm 2013	V2012/13
---	---	----------

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN PHÍ	PHÍ NH
Số TK: 0031 000 855795	Tên TK: CN Cty Logistics Tân Thế Giới tại Địa chỉ: Hải Phòng Tại NH: Vietcombank – Hải Phòng	Bằng số: 28.200.000 VNĐ	Phí trong: <input type="text"/>
		Bằng chữ: Hai mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.	Phí ngoài: <input type="text"/>

& GHI CÓ TÀI KHOẢN

Nội dung : **Thanh toán cước vận chuyển**

Số TK: 02001010014584	KÊ TOÁN TRƯỞNG KÝ	CHỦ TÀI KHOẢN KÝ VÀ ĐÓNG DẤU
Tên TK: Công ty TNHH Thống Nhất		
Địa chỉ: Nhất		
Tại NH: TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Hải Phòng		

DÀNH CHO NGÂN HÀNG: Thanh toán viên Kiểm soát Giám đốc

Biểu 2.5: Ủy nhiệm chi

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (Trích)

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 0031000855795

Tháng 12 năm 2013

NT ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	Số tiền		
	SH	NT		Tiền gửi vào NH	Tiền rút khỏi NH	Tiền hiện còn lại NH
			<u>Số dư đầu tháng</u>			<u>64.780.826</u>
1/12/2013	V0112	1/12/2013	Chuyển tiền vào TK công ty mẹ		25.000.000	39.780.826
1/12/2013	V0112	1/12/2013	Phí chuyển tiền		10.000	39.770.826
1/12/2013	V0112	1/12/2013	Thuế GTGT		1.000	39.769.826
		
8/12/2013	V1312	8/12/2013	Thanh toán phí dịch vụ SMS		50.000	45.569.000
8/12/2013	V1312	8/12/2013	Thuế GTGT		5.000	45.564.000
...
16/12/2013	V2012	16/12/2013	Thanh toán cước vận chuyển	..	28.200.000	46.722.914
17/12/2013	V2112	17/12/2013	Vay ngắn hạn	50.000.000		96.722.914
		
			Cộng phát sinh	239.969.782	223.854.881	
			<u>Số dư cuối tháng</u>			<u>80.895.727</u>

Biểu 2.6: Sổ tiền gửi ngân hàng

BẢNG KÊ PHẦN THU TK 112 (TRÍCH)

Tháng 12 năm 2013

Ghi Nợ TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112, ghi Có các TK				
	SH	NT		TK311	TK131	TK515	...	Cộng Nợ TK112
2	BIDV01	2/12/2013	Thu tiền nợ của khách hàng		15.000.000			15.000.000
3	V2112	17/12/2013	Vay ngắn hạn	50.000.000				50.000.000
....		
28	BIDV11	27/12/2013	Hưởng lãi tiền gửi phát sinh tháng 11/2013			6.498		6.489
			Cộng	50.000.000	74.800.000	172.984	...	239.969.782

Biểu 2.7: Bảng kê phần thu

BẢNG KÊ PHẦN CHI TK 112 (Trích)

Tháng 12 năm 2013

Ghi Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 112, ghi Nợ các TK khác				
	SH	NT		TK 331	TK642	TK 336	...	Cộng Có TK112
1	V0112	01/12/2013	Chuyển tiền vào tổng công ty			25.000.000		25.000.000
2	V0112	01/12/2013	Phí chuyển tiền		10.000			10.000
3	V0112	01/12/2013	Thuế GTGT					1.000
		
24	V2012	16/12/2013	TT cược vận chuyển	28.200.000				28.200.000
		
			Cộng	112.917.885	8.443.122	51.002.179	...	223.854.881

Biểu 2.8: Bảng kê phần chi

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HP

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 420067531-003

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Vay ngắn hạn	112	311	50.000.000	
Thu của khách hàng	112	131	74.800.000	
Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	172.984	
...		
Cộng			239.969.782	

Kèm theo...chứng từ gốc

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HP

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 420067531-003

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả tiền cho người bán bằng TGNH	331	112	112.917.885	
Chi QLDN trong tháng bằng TGNH	642	112	8.443.122	
Phải trả nội bộ	336	112	51.002.179	
....	...	112	...	
Cộng			223.854.881	

Kèm theo...chứng từ gốc

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI - CN. HẢI PHÒNG

Mẫu số S02c1- DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông - TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 4200671531-003

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2013

Tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Số dư đầu kỳ:

64.780.826

Số phát sinh:

239.969.782 223.854.881

Số dư cuối kỳ:

80.895.727

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú	
	SH	NT			NỢ	CÓ		
			Số dư 30/11/2013		64.780.826			
			Tháng 12 năm 2013					
31/12/2013	03/12	31/12/2013	Vay ngắn hạn	311	50.000.000			
			Thu của khách hàng	131	74.800.000			
			Doanh thu hđ tài chính	515	172.984			
						
	04/12	31/12/2013	Trả tiền cho người bán bằng TGNH	331			112.917.885	
			Chi QLDN hàng tháng bằng TGNH	642			8.443.122	
			Phải trả nội bộ	336			51.002.179	
				
			Cộng phát sinh		239.969.782	223.854.881		
			Số dư cuối tháng 12/2013		80.895.727			

Biểu 2.10: Sổ cái TK 112

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN
THẾ GIỚI – CN. HẢI PHÒNG
03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng
MST: 4200671531-003**

PHIẾU CHI

Mẫu số: 02-TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2013

Số phiếu: PC329
TK Nợ: TK 138
TK Có: TK 112

Họ tên người nhận tiền: **Đặng Đình Vượng**

Địa chỉ: **New World Logistics – Hai Phong Branch**

Nội dung: **TT phụ phí làm hàng cho Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long**

Số tiền viết bằng số: **32.682.993 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn chín trăm chín mươi ba đồng chẵn.**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: *02 chứng từ*

Đã nhận đủ số tiền: *Ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn chín trăm chín mươi ba đồng chẵn.*

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kê toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 3.2: Phiếu chi



NEW WORLD LOGISTICS J.S.C - HAIPHONG BRANCH

3 Le Thanh Tong Street, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: (84) 31 3686676 - Fax: (84) 31 3686676

Email: vnwhp@newworldlogistics.vn Website: www.newworldlogistics.vn

GIẤY ĐỀ XUẤT THANH TOÁN

Họ và tên: Đặng Đình Vượng		Bộ phận:	Job File số: 131220.Hạ Long
Stt	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
1	Thanh toán phụ phí làm hàng 03×20+06×40 cho Hạ Long		
2	Phí lưu bãi nâng hàng, chứng từ bến bãi	15.736.957	
3	Phí lưu bãi nâng hàng, chứng từ	6.394.728	
4	Phí gia hạn, nâng cont, hạ cont, lưu cont	5.943.437	
5	Phí nộp tiền, nâng, lưu cont	4.607.871	
Tổng cộng		<u>32.682.993</u>	
Bằng chữ:	<i>Ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn chín trăm chín mươi ba đồng chẵn</i>		
Người đề xuất	Quản lý bộ phận	Kế toán	Lãnh đạo công ty
Ngày 20/05/2013	Ngày:...../...../.....	Ngày:...../...../.....	Ngày:...../...../.....

Biểu 3.3: Giấy đề xuất thanh toán



NEW WORLD LOGISTICS J.S.C – HAIPHONG BRANCH

03 Le Thanh Tong street, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Viet Nam

Tel: (84)31 3686676	Fax: (84) 31 3686677
Email: accounthp@newworldlogistics.vn	Website: http:// www.newworldlogistics.vn

===== **YÊU CẦU THANH TOÁN** =====

Khách hàng: Cty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	No: 1312-25/NWL- HP
Người nhận: Mr Thắng	Date: 25/01/2014
	Job No: INL/131220

Số lượng: 02×20 OT+ 01×20 GP+04 ×40 OT +02×40 HC

STT	Chi tiết	ĐV	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I.	Cước phí dịch vụ				-	
II.	Các khoản chi hộ				32.682.993	
1	TK 232 ngày 25/12/13				15.736.957	
	Phí lưu bãi				378.000	HĐ 78032 ngày 19/1/14
	Phí nâng hàng				2.354.000	HĐ 78030 ngày 19/1/14
	Phí chứng từ, bến bãi				13.004.957	HĐ 12076 ngày 24/12/13
2	TK 227 ngày 22/12/13				6.394.728	
	Phí lưu bãi				30.000	HĐ 75357 ngày 29/12/13
	Phí nâng hàng				528.000	HĐ 75038 ngày 27/12/13
	Phí nâng hàng				385.000	HĐ 78031 ngày 19/1/14
	Phí lưu bãi				43.000	HĐ 78039 ngày 27/12/13
	Phí lưu bãi				30.000	HĐ 78033 ngày 19/1/14
	Phí bến bãi, chứng từ				5.378.728	HĐ 12075 ngày 24/12/13
3	TK225 ngày 21/12/13				5.943.437	
	Phí nâng cont				528.000	HĐ 7628 ngày 27/12/13
	Phí bến bãi				2.647.100	HĐ 68770 ngày 17/12/13
	Phí lệnh giao hàng				605.000	HĐ 68771 ngày 17/12/13
	Phí gia hạn container				1.391.926	HĐ 74274 ngày 27/12/13
	Phí hạ cont				440.000	HĐ 5941 ngày 28/12/13
	Phí lưu cont				331.411	Phiếu thu 130605B-R-03110
4	TK 226 ngày 21/12/13				4.607.871	
	Phí lưu cont + Nâng				1.064.250	HĐ 7627 ngày 27/12/13
	Phí bến bãi, chứng từ				3.510.621	HĐ 12077 ngày 24/12/13
	Phí nộp tiền				33.000	Phiếu thu
TỔNG TIỀN					32.682.993	

Bảng chữ: Ba mươi hai triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn chín trăm chín mươi ba đồng chẵn.

Đề nghị quý công ty chuyển toàn bộ số tiền trên về tài khoản của chúng tôi như dưới đây:

Tên TK: **CN CÔNG TY CP LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG**

Số TK: **02001010100692**

Tại NH: **Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng.**

New World Logistics J.S.C

Biểu 3.4: Yêu cầu thanh toán

CN Công ty CP Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng

Số 03 – Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

THEO DÕI CÔNG NỢ CÁ NHÂN

Họ và tên: Mr Thăng

Đơn vị: Phòng vật tư – Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long

Stt	Ngày	Nội dung	Job No.	Số bill	Số TK	Số tiền chi hộ (1)	Số tạm ứng (2)	Số còn lại (3=1-2)
1	22/12/2013	Phụ phí làm hàng 06 x 40	131207	HLCURT M13 03176615	219 ngày 17/12/13	24.751.926	25.000.000	(248.074)
2	31/12/2013	Phụ phí làm hàng 03 x 20 + 06 x 40	130520		232 ngày 22/12/13 227 ngày 22/12/13 225 ngày 21/12/13 226 ngày 21/12/13	32.682.993	30.000.000	2.682.993
3	15/12/2013	Phụ phí làm hàng 02 x 20 OT	130607		46 ngày 13/12/13	5.392.974		5.392.974
		Tổng công nợ				62.827.893	55.000.000	7.827.893

Số còn lại (-) --> Phải trả lại HL

Số còn lại (+) → Phải thu lại HL

Biểu 3.5: Theo dõi công nợ cá nhân

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HẢI
PHÒNG**

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 420067531-003

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng	131	511	45.325.682	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	131	3331	4.532.568	
Chênh lệch tỷ giá	131	413	2.978.814	
...	131	...		
Cộng			264.837.481	

Kèm theo...chứng từ gốc

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 3.6: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI - CN. HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông - TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 4200671531-003

Mẫu số S02c1- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Tháng 12 năm 2013

Tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Số dư đầu kỳ:	295.067.183	
Số phát sinh:	264.837.481	136.299.694
Số dư cuối kỳ:	423.604.970	

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN		Ghi chú
	SH	NT			NỢ	CÓ	
			<u>Số dư 30/11/2013</u>		<u>295.067.183</u>		
			<u>Tháng 05 năm 2013</u>				
31/12/2013	09/12	31/12/2013	Doanh thu bán hàng	511	45.325.682		
			Thuế và các khoản phải nộp NN	3331	4.532.568		
			Chênh lệch tỷ giá	413	2.978.814		
					
	10/12	31/12/2013	Hàng bán bị trả lại	531		42.225.570	
			Giảm giá hàng bán	532		32.890.314	
			Chi phí tài chính	635		3.910.428	
			
			Cộng phát sinh		264.837.481	136.299.694	
			<u>Số dư cuối tháng</u>		<u>423.604.970</u>		

Biểu 3.7: Sổ cái TK 131

VD7: Ngày 22/12/2013 Công ty trả cước vận chuyển hộ công ty Đông Thịnh số tiền 4.700.000đ.

- Phiếu chi (Biểu 4.1)
- Bảng kê vận chuyển (Biểu 4.4)

VD8: Ngày 7/12/2013 chi làm hàng cho Đông Bắc số tiền 11.053.797đ

- Phiếu chi (Biểu 4.2)
- Bảng quyết toán tháng 12 (Biểu 4.5)

VD9: Ngày 11/12/2013 chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng TT chi hộ CN Hà Nội số tiền là 10.000.000đ

- Phiếu chi (Biểu 4.3), bảng tổng hợp công nợ (Biểu 4.6).

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
TÂN THẾ GIỚI – CN. HẢI
PHÒNG
03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng
MST: 4200671531-003**

PHIẾU CHI

Liên 1: Lưu

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 02-TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/ 2006 của Bộ trưởng BTC

Số phiếu: PC 328
TK Nợ: TK138
TK Có: TK111

Họ tên người nhận tiền: **Đặng Đình Vượng**

Địa chỉ: **New World Logistics – Hai Phong Branch**

Nội dung: **TT cước vận chuyển cho Đông Thịnh**

Số tiền viết bằng số: **4.700.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: *02 Chứng từ*

Đã nhận đủ số tiền: *Bốn triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn.*

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kê toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 4.1: Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 420067531-003

BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN THÁNG 12

(Công ty Đông Thịnh)

Kèm theo hóa đơn số

ngày 31 tháng 12 năm 2013

Stt	Loại cont	Số cont	Ngày vận chuyển	Tuyến đường	Cước vận chuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	01x40	APZU4392193	11/12/2013	Hải Phòng – Quảng Ninh	4.700.000	131209
2	01x40	TGHU4740569	22/12/2013	Hải Phòng – Quảng Ninh	4.700.000	131204
3	01x40	HAKU6137099	30/12/2013	Hải Phòng – Quảng Ninh	3.500.000	131219
4	01x40	HAKU4608013	20/12/2013	Hải Phòng – Quảng Ninh	3.500.000	131219
Tổng cộng					16.400.000	
Thuế GTGT (10%)					1.640.000	
Tổng thanh toán					18.040.000	

Biểu 4.4: Bảng kê cước vận chuyển

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN
THẾ GIỚI – CN. HẢI PHÒNG**

03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng

MST: 4200671531-003

PHIẾU CHI

Liên 1: Lưu

Hải Phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 02-TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Số phiếu: PC 312

TK Nợ: TK138

TK Có: TK 111

Họ tên người nhận tiền: **Đặng Đình Vượng**

Địa chỉ: **New World Logistics – Hai Phong Branch**

Nội dung: **TT hộ tiền làm hàng cho công ty Đông Bắc**

Số tiền viết bằng số: **11.053.797 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Mười một triệu không trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm chín mươi bảy đồng chẵn.**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: *02 Chứng từ*

Đã nhận đủ số tiền: *Mười một triệu không trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm chín mươi bảy đồng chẵn.*

Hải Phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kê toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 4.2: Phiếu chi

Chi nhánh công ty CP Logistics Tân Thế Giới Tại Hải Phòng

Số 3 Lê Thánh Tông, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải phòng

BẢNG QUYẾT TOÁN - THÁNG 12 NĂM 2013

Tên đơn vị: Cty CP CN Tàu Thủy Đông Bắc

Stt	Nội dung		Số tiền	Ghi chú
	Chứng từ	Nội dung		
Số tháng 11/13 chuyển sang			(12.500.000)	
I. Chi phí làm hàng TK 7266 ngày 7/12/13			11.053.797	Máy phát điện
1	HĐ 364 ngày 8/12/13	Dịch vụ vận chuyển	4.950.000	
2	HĐ 365 ngày 13/12/13	TT hộ phí lấy lệnh giao hàng	4.496.917	
3	HĐ 4143 ngày 8/12/13	TT hộ phí lưu kho, giao nhận	1.606.880	
II. Chi phí làm hàng TK 7531 ngày 9/12/13			19.877.863	Bơm thủy lực nắp hầm hàng
1	HĐ 368 ngày 16/12/13	Dịch vụ vận chuyển	9.350.000	
2	HĐ 1265 ngày 10/12/13	Phí lưu cont	926.863	
3	HĐ 5256 ngày 10/12/13	Phí chứng từ, đại lý, vs cont...	7.022.400	
4	HĐ 18164 ngày 10/12/13	Phí nâng cont	818.600	
5	HĐ 13742 ngày 15/12/13	Phí hạ cont	690.000	
6	HĐ 15106 ngày 29/12/13	Phí sửa chữa Cont	1.070.000	
III. Chi phí làm hàng TK 7537 ngày 9/12/13			32.831.200	Sườn đuôi tàu
1		Dịch vụ vận chuyển	30.800.000	
2	HĐ 1698 ngày 10/12/13	Phí chứng từ	500.000	
3	HĐ 214920 ngày 11/12/2013	TT hộ phí bốc xếp hàng, kho bãi	1.531.200	
VI. Chi phí làm hàng TK 4497 ngày 15/12/13			3.004.546	Linh kiện tàu 1500 tấn
1	HĐ 484955 ngày 15/12/13	Phí lưu kho	412.500	
2	HĐ 6040 ngày 15/12/13	Phí chứng từ (DO FEE)	392.046	
3	HĐ 371 ngày 20/12/13	Dv thông quan & giao nhận	2.200.000	
V. Chi phí làm hàng TK 8116 ngày 17/12/13			21.894.400	Thép tấm ~ 2,772.282 Tấn
1	HĐ 59713 ngày 20/12/13	Phí chứng từ hàng nhập (DO)	550.000	
2	HĐ 379 ngày 28/12/13	Dịch vụ thông quan + giao nhận	21.344.400	
VI. Chi phí làm hàng TK 7728 ngày 13/12/13			18.784.663	Van balast ~ 11.290 CBM
1	HĐ 380 ngày 29/12/13	Dịch vụ vận chuyển	7.150.000	
2	HĐ 17087 ngày 20/12/13	Phí lưu kho, giao nhận, bốc xếp hàng lẻ	2.469.500	
3	HĐ 9834 ngày 15/12/13	Phụ phí tại cảng dỡ (DO, THC, CFS,CIC...)	8.153.163	

4	HĐ 21762 ngày 28/12/13	Phí lưu kho hàng lẻ (8 ngày)	1.012.000	
VII. Chi phí làm hàng TK 8253 ngày 21/12/13			32.691.387	Lô bơm nhập FOB - Pumps for new building
1	HĐ 74113 ngày 22/12/13	Phí Nâng hạ container	528.000	
2	HĐ 1126 ngày 29/12/13	Phí hạ vỏ	660.000	
3	HĐ 377 ngày 24/12/13	Dịch vụ vận chuyên	13.636.387	
4	HĐ 375 ngày 22/12/13	Cước biển quốc tế	17.867.000	
VII. Chí phí làm hàng TK 8305 ngày 21/12/13			6.355.287	Bếp điện - hàng lẻ
1	HĐ 416 ngày 20/12/13	Phí lấy lệnh	3.797.787	
2	HĐ 22044 ngày 31/12/13	Phí lưu kho, giao nhận, bốc xếp	907.500	
3	HĐ 6044 ngày 28/12/13	Phí giám định	1.650.000	
VIII. Chi phí làm hàng TK 8057 ngày 17/12/13			12.004.938	Máy lọc nước - hàng lẻ
1	HĐ 1510 ngày 8/12/13	Phụ phí tại Cảng dỡ	9.715.838	
2	HĐ 12455 ngày 31/12/13	Phí lưu kho, giao nhận	2,289,100	
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)			158.498.081	
Lần 1: TM			30.000.000	
Lần 2: TM			50,000,000	
Lần 3: CK			30.000.000	
Tổng tạm ứng			110,000,000	
Còn phải thanh toán			<u>35.998.081</u>	
<i>Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi tám ngàn không trăm tám mươi một đồng chẵn.</i>				
<i>Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				
	Người lập biểu		Xác nhận của khách hàng	

Biểu 4.5: Bảng quyết toán tháng 5

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN
THẾ GIỚI – CN. HẢI PHÒNG**
03 Lê Thánh Tông – TP. Hải Phòng
MST: 4200671531-003

PHIẾU CHI

Liên 1: Lưu

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2013

Mẫu số: 02-TT
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/ 2006 của Bộ trưởng BTC

Số phiếu: PC319

TK Nợ: TK 136

TK Có: TK 111

Họ tên người nhận tiền: **Đặng Đình Vượng**

Địa chỉ: **New World Logistics – Hai Phong Branch**

Nội dung: **TT chi hộ CN HÀ NỘI**

Số tiền viết bằng số: **10.000.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Mười triệu đồng chẵn.**

Số lượng chứng từ gốc kèm theo: **01 Chứng từ**

Đã nhận đủ số tiền: **Mười triệu đồng chẵn.**

Hải Phòng, ngày 11 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	Kê toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)

Biểu 4.3: Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI-CN.HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 420067531-003

TỔNG HỢP CÔNG NỢ THÁNG 12 NĂM 2013

TK 136- phải thu nội bộ

MAKH	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
		NỢ (vnd)	CÓ (vnd)	NỢ (vnd)	CÓ (vnd)	NỢ (vnd)	CÓ (vnd)
CNHN	Chi nhánh Hà Nội	32.075.889	-	-	10.000,000	22.075.889	-
CNQN	Chi nhánh Quảng Ninh	12.940.000	-	-	-	12.940.000	-
CNSG	Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.980.000	-	-	-	1.980.000	-
	Cộng	46.995.889	-	-	10.000.000	36.995.889	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán
(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký và ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc
(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 4.6: Bảng tổng hợp công nợ

CT CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI CN. HP

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Mã số thuế: 420067531-003

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm: 2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền phát sinh	Ghi chú
Số	Ngày		
...	
01/12	31/12/2013	202.968.936	
02/12	31/12/2013	204.803.076	
03/12	31/12/2013	239.969.782	
04/12	31/12/2013	223.854.881	
...	
Tổng phát sinh tháng 12		5.014.486.181	
Cộng lũy kế từ đầu quý			

- Sổ này có... trang, đánh số thứ tự từ 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:....

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 4.7 : Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

**CHƯƠNG 3: HOÀN THIÊN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN
BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.**

3.1 ĐÁNH GIÁ NHỮNG ƯU, NHƯỢC ĐIỂM TRONG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG.

Trải qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng đã không ngừng củng cố và phát triển luôn hoàn thành xuất sắc mục tiêu kinh doanh đã đặt ra. Mức tăng trưởng cũng có nhiều tiến bộ, các chỉ tiêu kinh tế đều đạt năm sau cao hơn năm trước, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân viên đều được đảm bảo. Năng lực kinh doanh, dịch vụ ngày càng được tăng cường và phát triển theo hướng hiện đại hóa cả về số lượng và chất lượng. Đó là kết quả của sự phấn đấu trong toàn chi nhánh, là sự hoàn thiện hơn về trình độ quản lý và làm việc tại công ty.

Có được kết quả đáng khích lệ như vậy, không thể không nhắc tới sự đóng góp của bộ máy kế toán. Bộ máy kế toán làm việc hiệu quả đồng bộ. Mỗi nhân viên trong phòng kế toán đều hiểu rõ trách nhiệm và làm tốt chức năng nhiệm vụ được giao, luôn học hỏi để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn. Giúp cho quá trình hạch toán số liệu kịp thời, chính xác và thông suốt. Đó chính là kết quả của quá trình hợp lý hóa bộ máy kế toán của công ty.

Trên cơ sở thời gian thực tập tại công ty, cùng với việc đi sâu vào nghiên cứu công tác tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty, em xin đưa ra một số đánh giá sau:

3.1.1 Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu

Về tổ chức quản lý: Mô hình quản lý của chi nhánh được xây dựng 1 cách gọn nhẹ. Điều này giúp cho các phòng ban chức năng phối hợp nhịp nhàng với nhau, đẩy nhanh tiến độ trong công việc, tránh tình trạng đình đốn trong kinh doanh. Đồng thời ban lãnh đạo chi nhánh là người có trách nhiệm nhiệt tình trong công việc, luôn quan tâm chăm sóc đời sống tinh thần cũng như vật chất cho cán bộ công nhân viên. Có tầm nhìn xa trông rộng đưa ra đường lối, chiến lược đúng đắn để xây dựng và phát triển chi nhánh công ty tại Hải Phòng.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Chi nhánh tổ chức bộ máy kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán tại chi nhánh công ty, liên lạc và chịu sự điều hành của

Tổng công ty. Bộ máy kế toán của chi nhánh được tổ chức hợp lý, đúng với năng lực chuyên môn của từng nhân viên, đã hoàn thành công việc chính xác, kịp thời cung cấp thông tin, nâng cao hiệu quả công việc nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin nhanh, kịp thời của công tác kế toán. Kế toán thường xuyên nắm vững và sử dụng những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và hạch toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Hơn thế trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán, kế toán tại một số phân hành công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

Về hình thức kế toán: Với hệ thống kế toán ban hành công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán chứng từ ghi sổ được áp dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của chi nhánh. Hình thức kế toán này có ưu điểm là dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu thuận lợi cho việc phân công công tác và cơ giới hóa công tác kế toán.

Về chứng từ kế toán: Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán được quy định theo quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính. Chứng từ kế toán của công ty luôn được lập rõ ràng, đầy đủ và kịp thời, chính xác theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng số liên theo quy định. Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, chữ viết liên tục, có đầy đủ chữ ký, dấu theo quy định. Từ những công tác hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của nhà nước.

Về sổ sách kế toán: Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho kinh doanh.

Cập nhật thông tin: Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phân hành công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

Về đội ngũ cán bộ công nhân viên: Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên nói chung và cán bộ phòng kế toán nói

riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

3.1.2 Một số tồn tại về tổ chức kế toán vốn bằng tiền

Ngoài những ưu điểm đã nêu trên, công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu ở chi nhánh vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

Về việc kiểm kê quỹ: Định kỳ việc kiểm kê quỹ tiền mặt và lập bảng kê kiểm kê quỹ chưa được thực hiện chi tiết, vì vậy việc theo dõi đối chiếu số tiền thực tế có tại quỹ với sổ kế toán tiền mặt gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng kịp thời thông tin cho các quyết định mua bán và thanh toán bằng tiền mặt của chi nhánh.

Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc trích lập này sẽ giúp cho tình hình tài chính của công ty ổn định và chủ động hơn. Giả sử trong trường hợp khách hàng bị phá sản, không có khả năng thanh toán thì chi nhánh không có khoản dự phòng nào để bù đắp.

Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Công ty chưa đưa phần mềm dành riêng cho kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ, công ty mới chỉ áp dụng hình thức kế toán máy trên bảng tính World, Excel. Vì vậy việc sử dụng phần mềm là rất cần thiết, nó sẽ tiết kiệm được thời gian công sức lao động đem lại hiệu quả cao, giảm tải được khối lượng công việc cho kế toán do đó giảm được áp lực và thời gian làm việc cho nhân viên kế toán trong chi nhánh.

3.2 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN THẾ GIỚI TẠI HẢI PHÒNG

Để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán chi nhánh cần phải tìm hiểu, phân tích những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và các yếu tố tác động đến tổ chức công tác kế toán, nhằm tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhất đáp ứng được nhu cầu quản lý doanh nghiệp mà thực tiễn đặt ra. Chi nhánh cần tuân thủ những yêu cầu sau đây:

Phải tuân thủ chế độ tài chính và kế toán hiện hành. Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành, có như vậy kế toán mới thực sự là công cụ quản lý không chỉ trong phạm vi doanh

nghiệp mà của nhà nước đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán để sử dụng hệ thống sổ kế toán lập báo cáo.

Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp, đảm bảo tính thống nhất về phương pháp đánh giá, sử dụng chứng từ, tài khoản, sổ sách.

Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp giúp việc ra quyết định đạt kết quả tối ưu.

Phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả. Cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, các doanh nghiệp cần có biện pháp hữu hiệu, hạ thấp chi phí có thể, đây là yêu cầu tất yếu đặt ra với nhiều doanh nghiệp hiện nay.

Căn cứ vào những tồn tại, khó khăn hiện nay của công tác kế toán của công ty. Với sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn và phòng kế toán công ty, cùng với những kiến thức đã học được tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng, em xin đề xuất một số ý kiến sau hi vọng sẽ góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền và các khoản phải thu của chi nhánh.

Ý kiến 1: Hoàn thiện việc kiểm kê quỹ định kỳ:

- Việc kiểm kê quỹ của chi nhánh được tiến hành định kỳ vào cuối quý, cuối năm, do đó, muốn kiểm tra đột xuất thì chi nhánh không có số liệu để đối chiếu, kiểm tra kịp thời. Vì vậy chi nhánh nên tiến hành kiểm kê vào cuối mỗi tháng hoặc định kỳ khi cần thiết, có thể kiểm tra ngay khi bàn giao quỹ, biên bản kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kiểm kê.

- Bản kiểm kê quỹ được lập thành 2 bản: Một bản lưu ở thủ quỹ, một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

- Ưu điểm: giúp cho nhà quản lý nắm được số tồn quỹ thực tế, số thừa, thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tốt hơn trong việc tăng cường quản lý quỹ, làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

❖ Biên bản kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:

Mẫu số: S08 – TT

Bộ phận: (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào... giờ... ngày...tháng...năm...

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:Đại diện kế toán

Ông/Bà:Đại diện thủ quỹ

Ông/ Bà: Đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	×
II	Số kiểm kê thực tế	×
1	Trong đó:		
2	- Loại
3	- Loại
4	- Loại
5	-...
III	Chênh lệch (III = I- II)	×

- Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

Ví dụ:

Theo thống kê của Sổ chi tiết tiền mặt tại quỹ tính đến ngày 31/12/2013 số dư tiền mặt tại quỹ là 6.039.140đ. Cũng trong ngày 31/12/2013 kế toán trưởng yêu cầu kiểm kê quỹ, hội đồng gồm kế toán tiền mặt, thủ quỹ và kế toán trưởng. Thủ quỹ thực hiện đếm số tiền tồn quỹ, kết quả như sau:

- | | |
|-------------------------------|------------------------------|
| - Mệnh giá 500.000 VNĐ: 6 tờ | - Mệnh giá 50.000 VNĐ: 8 tờ |
| - Mệnh giá 200.000 VNĐ: 7 tờ | - Mệnh giá 20.000 VNĐ: 14 tờ |
| - Mệnh giá 100.000 VNĐ: 11 tờ | - Mệnh giá 10.000 VNĐ: 6 tờ |

Đối chiếu với sổ kế toán tiền mặt tại quỹ thấy thừa 200.860 đ. Kế toán tiền mặt đã tìm ra nguyên nhân chênh lệch là do một chứng từ phiếu thu của khách hàng là chưa được ghi sổ kế toán. Căn cứ vào quyết định xử lý, kế toán tiền mặt thực hiện lập phiếu thu.

Định khoản như sau:

Nợ TK 111: 200.860đ

Có TK 338: 200.860đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TÂN

Mẫu số: S08 – TT

THẾ GIỚI-CN.HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: 03 Lê Thánh Tông-TP. Hải Phòng

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế: 420067531-003

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ CUỐI THÁNG 12

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào 16h giờ 30 ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà:..... Vũ Thị YếnĐại diện kế toán

Ông/Bà:Đào Thị Mai HươngĐại diện thủ quỹ

Ông/ Bà:Nguyễn Thị Kim Thoa..... Kế toán trưởng

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	×	6.039.140
II	Số kiểm kê thực tế		
1	Trong đó:		
2	- Loại 500.000	6 tờ	3.000.000
3	- Loại 200.000	7 tờ	1.400.000
4	- Loại 100.000	11 tờ	1.100.000
5	- Loại 50.000	8 tờ	400.000
6	- Loại 20.000	14 tờ	280.000
7	- Loại 10.000	6 tờ	60.000
	Cộng số tiền đã kiểm kê thực tế		6.240.000
III	Chênh lệch (III = I- II)	×	200.860

- Lý do: + Thừa: do một phiếu thu của khách hàng chưa được ghi sổ.

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: Căn cứ theo quyết định xử lý, kế toán lập phiếu thu.

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ý kiến 2: Về việc trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Công ty hiện có một số khoản nợ của khách hàng. Điều này gây khó khăn cho công ty khi cần huy động vốn. Công ty cần phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Theo thông tư 228/2009 TT-BTC ban hành ngày 7/12/2009, đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức trích lập dự phòng
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $\leq t < 3$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $\leq t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$t > 3$ năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thể thu hồi để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty nên lập bảng kê các khoản nợ phải thu khó đòi như sau:

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày... tháng...năm...

STT	Tên khách hàng	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỉ lệ trích lập dự phòng	Số tiền nợ	Mức trích lập dự phòng
	TỔNG				

Tài khoản 139- Dự phòng phải thu khó đòi dùng để phản ánh tình hình trích lập sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

Bên Nợ: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi. Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

Bên Có: Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Số dư bên Có: số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán kế toán và một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

NV1: Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, kế toán tính, xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn sẽ được hạch toán vào chi phí

Nợ TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

NV2: Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (chi phí hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

NV3: Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 111, 112, 331, 334...(phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

NV4: Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được Nợ TK 111, 112...

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (TK ngoài bảng cân đối kế toán)

NV5: Đối với những khoản nợ phải thu quá hạn được bán cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo giá thỏa thuận, tùy từng trường hợp thực tế, kế toán ghi nhận như sau:

Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập quỹ dự phòng phải thu khó đòi ghi Nợ TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (phần tổn thất còn lại từ việc bán nợ)

Có các TK 131, 138...

Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập dự phòng không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi (phần đã trích lập dự phòng cho các khoản nợ quá hạn này)

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (Phần tổn thất còn lại từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138...

Trường hợp khoản phải thu quá hạn đã lập dự phòng và số đã lập dự phòng cao hơn hoặc bằng với tổn thất của việc bán nợ, ghi:

Nợ TK 111, 112 (theo giá bán thỏa thuận)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (chênh lệch giá trị ghi sổ của khoản nợ và giá bán)

Có TK 131, 138...

NV6: Kế toán xử lý các khoản dự phòng phải thu khó đòi trước khi doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng phải thu khó đòi sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh.

Ví dụ: Hiện nay, chi nhánh còn có khách hàng nợ, thể hiện trên bảng kê trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Bảng kê trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tính đến 31/12/2013.

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Tên khách hàng	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỉ lệ trích lập dự phòng	Số tiền nợ	Mức trích lập dự phòng
1	Công ty TNHH và dịch vụ vận tải Ngọc Minh	9 tháng 4 ngày	30%	34.235.000	10.270.500
2	Công ty TNHH TM và PT CN Trung Thành	8 tháng 20 ngày	30%	440.382.000	132.114.600
3	Công ty cổ phần TMXNK Trường Giang	14 tháng 10 ngày	50%	216.590.000	108.295.000
	TỔNG			691.207.000	250.680.100

Cuối kỳ kế toán chi nhánh căn cứ các khoản nợ phải thu của công ty TNHH và dịch vụ vận tải Ngọc Minh, công ty TNHH TM và PT CN Trung Thành và Công ty cổ phần TMXNK Trường Giang được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập và hoàn nhập. Kế toán tiến hành trích lập dự phòng lần đầu như sau:

Nợ TK 642: 250.680.100

Có TK 139: 250.680.100

Sau khi lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán tổng hợp khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp và ghi chép vào các sổ sách liên quan.

Ý kiến 3: Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán:

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán có thể giúp chi nhánh phát triển, giải phóng sức lao động của nhiều cán bộ công nhân viên. Công ty có thể tìm hiểu, xem xét đưa vào sử dụng một số phần mềm kế toán sau.

Phần mềm kế toán Smart:

➤ **Giao diện**



➤ **Tính năng:**

- Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET, xử lý số liệu tốc độ cực nhanh và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang 1 file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất, không sợ virus làm hư data.

- Tính giá thành theo nhiều phương pháp như: Tính giá thành theo định mức, theo tỷ lệ, theo công trình, theo nhiều giai đoạn

- Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mình đang nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.

- Công cụ quản trị bảng dữ liệu (Bao gồm chức năng In Báo Cáo Nhanh, đẩy dữ liệu ra file Excel đã được căn chỉnh tự động, Access và ngược lại . . .)

- Có chức năng Quản trị dữ liệu thông minh: Lọc dữ liệu, phân tích dữ liệu mở giống như Subtotal và PivotTable của Excel, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số).

- Công nghệ DevExpress Report động cho phép khách hàng tự chỉnh các biểu mẫu báo cáo và các loại chứng từ gốc cho phù hợp với đơn vị, chỉnh in hóa đơn theo mẫu doanh nghiệp

- Đánh giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp như: bình quân gia quyền, thực tế đích danh, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước.

- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được. Hình thức nhập dữ liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập dữ liệu mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.

- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính trực tiếp qua HTKK mã vạch (không cần đẩy ra file Excel) theo dõi và tình thuế GTGT đầu ra, đầu vào, và phần mềm luôn cập nhật luật mới của bộ Tài Chính.

Smart phù hợp với các Công ty xây dựng, sản xuất, thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quản lý trực tiếp hai cấp (cấp tổng công ty và công ty thành viên). Đối với các công ty làm dịch vụ kế toán thì Smart hỗ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty trên một phần mềm, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.

➤ Báo giá:

Công ty thương mại, dịch vụ : **3.000.000đ**

Công ty sản xuất, xây dựng : **4.000.000đ**

Cá nhân làm dịch vụ kế toán : **1.500.000đ**

Phần mềm kế toán Misa:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng



- Tính năng:

- Phần mềm MISA SME.NET 2012 được phát triển trên nền tảng mới nhất microsof.net tích hợp các tính năng ưu việt của các phần mềm có giá trị lớn. Tự động hóa hầu hết các nghiệp vụ kế toán, dữ liệu kế toán được cập nhật từng giây là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong công tác hạch toán kế toán.

- Đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp, đồng thời luôn cập nhật các chế độ tài chính kế toán mới nhất như thông tư 13/2008/TT-BTC, 129/2008/TT-BTC, 51/2010/ND-CP, 28/2011/TT-BTC, thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán vừa và nhỏ, chế độ kế toán theo QĐ48 và QĐ 15, ...

- Sử dụng nhiều hình ảnh nghiệp vụ giúp dễ dàng hình dung ra quy định hạch toán của phần mềm bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách sử dụng và trợ giúp trực tuyến.

- Bao gồm 13 phân hệ: Ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và phân hệ tổng hợp là trung tâm.

- Phần mềm cung cấp hàng trăm mẫu báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, hỗ trợ công cụ lập báo cáo nhanh và chính xác. Từ sổ sách báo cáo có thể truy vấn ngược lại chứng từ gốc.

- Phần mềm có thể cung cấp các chỉ số tài chính thông qua đồ thị hoạt động tài chính. Hỗ trợ lập kế hoạch chi tiết cho công việc, giao việc cho cấp dưới, tự động nhắc việc khi đến hạn. Ngoài ra, còn cung cấp thư viện tài chính kế toán cho doanh nghiệp tìm hiểu dữ liệu nghiên cứu.

- Cập nhật chế độ kế toán và tài chính mới nhất thông qua internet mà ko cần cài đặt lại phần mềm.

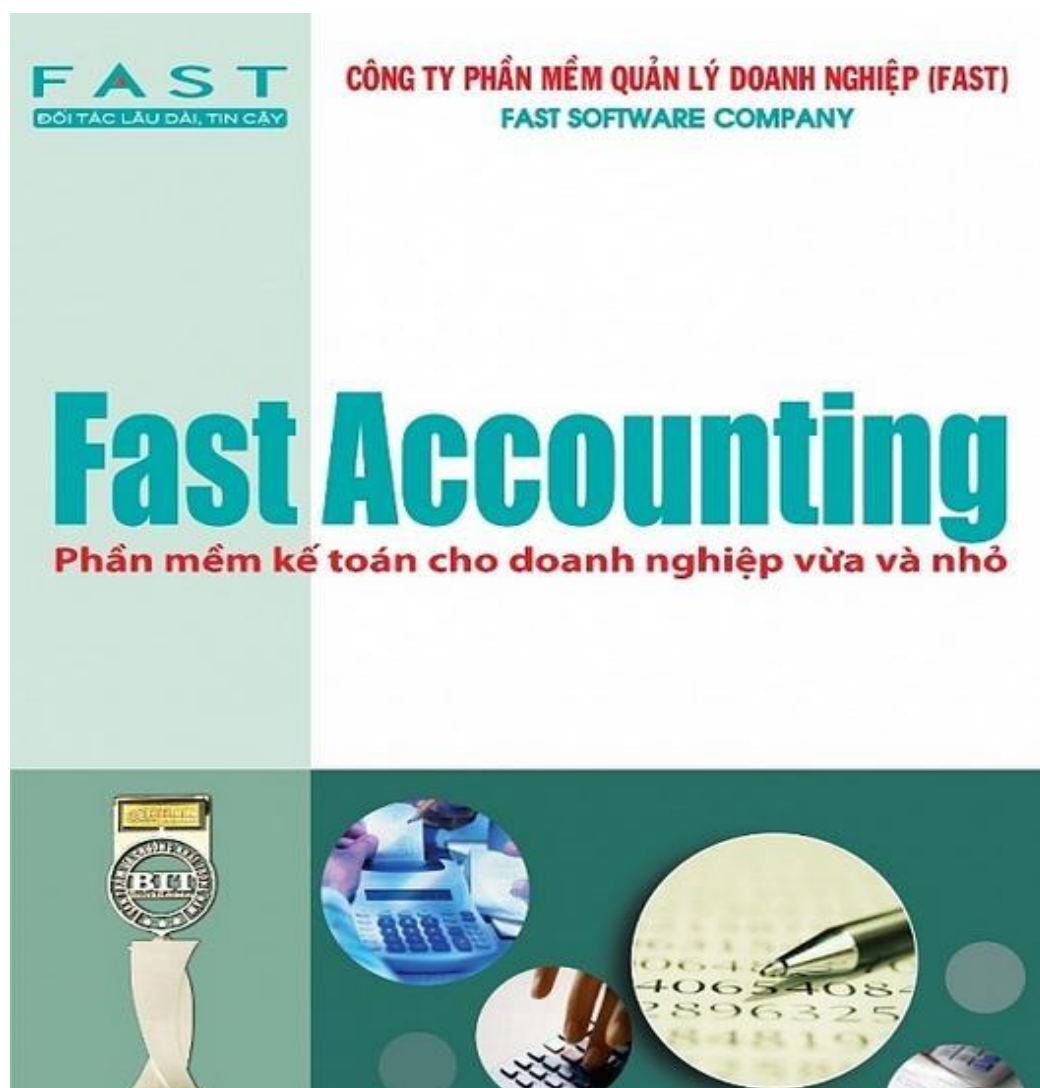
- Sẵn sàng trao đổi dữ liệu với hệ thống khác. Hoạt động tốt ngay cả trên máy tính cá nhân cũng như trong mạng nội bộ, giúp nhiều người sử dụng cùng làm việc trên một tập dữ liệu kế toán.

- Phần mềm MISA là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế toán của công các hạch toán kế toán. Tài chính của đơn vị luôn tập chung giúp thủ trưởng đơn vị luôn nắm được hoạt động tài chính tại mọi thời điểm. Hệ thống tư vấn hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp.

➤ Báo giá: **9.950.000 VNĐ**

3.3.2.3. Phần mềm kế toán FAST ACCOUTING

➤ Giao diện:



➤ Tính năng:

- Phần mềm kế toán FAST ACCOUTING đáp ứng những yêu cầu kế toán thông thường của doanh nghiệp

- Cập nhật bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính. Hỗ trợ cách suất dữ liệu báo cáo thuế, báo cáo tài chính sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế.

- Khả năng bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng và công việc trong chương trình của người sử dụng.

- Giao diện và báo cáo theo 2 ngôn ngữ Anh và Việt

- Cung cấp phản ánh đầy đủ tình hình tài chính một cách kịp thời cũng như đưa ra hệ thống báo cáo theo chuẩn mực nhà nước phục vụ công tác kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp.

- Môi trường làm việc có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ.

➤ **Báo giá: 10.000.000 VNĐ**

Theo ý kiến cá nhân của em, công ty nên lựa chọn đưa phần mềm kế toán Smart Pro 2.5 vào sử dụng bởi một số lý do sau:

- Smart Pro 2.5 là phần mềm mới, đã được 4.000 khách hàng tin dùng và sử dụng, đặc biệt đối với loại hình dịch vụ như chi nhánh.
- Giúp cải thiện hiệu năng làm việc của doanh nghiệp
- Giao diện thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng
- Tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp. Mà tiết kiệm chi phí có nghĩa là thêm thu nhập và tăng tốc độ phát triển.
- Giá cả trọn gói hợp lý.
- Phát triển theo công ty, luôn cập nhật các quy định chính sách mới
- Công ty có thể nâng cấp phiên bản tốt hơn thông qua internet mà không cần cài đặt lại phần mềm, có thể mở rộng quy mô ứng dụng.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và điều kiện nền kinh tế khủng hoảng hiện nay, việc duy trì và khẳng định thương hiệu của những doanh nghiệp dịch vụ vận tải là không hề đơn giản. Với lịch sử hình thành và phát triển lâu dài của mình, chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới chắc chắn sẽ duy trì và tìm được chỗ đứng của mình trên thị trường quốc tế cũng như thị trường trong nước, việc này sẽ được thực hiện nhờ sự đoàn kết và quyết tâm của tập thể cán bộ, công nhân viên của công ty nhất là vai trò to lớn của đội ngũ kế toán của công ty. Họ đã biết tổ chức tốt công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu để giúp doanh nghiệp quản lý được đồng vốn bỏ ra, hạn chế tối đa thất thoát và sử dụng một cách tiết kiệm có hiệu quả nhất. Cũng xuất phát từ chính tầm quan trọng của kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu em đã đi sâu vào tìm hiểu và thực hiện đề tài “Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng” và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Trong thời gian thực tập tại chi nhánh, được tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc của chi nhánh, bước đầu em đã định hình được công việc của một nhân viên kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ mà công ty đã áp dụng, em biết cách ghi sổ sách chứng từ kế toán trong thực tế. Đó là hành trang quý giá, là tiền đề cho công việc trong tương lai.

Một lần nữa em xin trân thành cảm ơn ban lãnh đạo chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng mà trực tiếp là phòng kế toán đã giúp đỡ em hoàn thành bài báo cáo tổng hợp này. Cảm ơn giảng viên Nguyễn Thị Thúy Hồng đã tận tình, chu đáo hướng dẫn để em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các số liệu, sổ sách kế toán tại chi nhánh công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới tại Hải Phòng.
2. Trang web của công ty cổ phần Logistics Tân Thế Giới:
www.newworldlogistics.vn
3. Chế độ kế toán DN Quyền 1. Hệ thống tài khoản kế toán - Bộ tài chính 2011. NXB Lao Động.
4. Chế độ kế toán DN Quyền 2. Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán - Bộ tài chính 2011. NXB Lao Động.
5. Websize: www.webketoan.com.vn
6. Tham khảo các bài khóa luận khóa trước tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng.